

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên** : Nguyễn Thị Huế  
**Giảng viên hướng dẫn:** CN.GVC Bùi Thị Chung

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**  
-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
HÓA CHẤT BÌNH MINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên** : Nguyễn Thị Huế  
**Giảng viên hướng dẫn:** CN.GVC Bùi Thị Chung

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Huệ

Mã SV: 121193

Lớp: QT 1204 K

Ngành: Kế toán – Kiểm

toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

### **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

- Lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất
- Thực trạng công tác nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần hoá chất Bình Minh
- Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần hoá chất Bình Minh

### **2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**

- Các chứng từ nhập - xuất kho nguyên vật liệu năm 2011.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết và tổng hợp nguyên vật liệu năm 2011.

### **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.**

Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh, địa chỉ: số 87 Đinh Nhu, Lê Chân, Hải Phòng.

**MỤC LỤC**

<b>Lời mở đầu</b> .....	1
<b>Chương 1. Lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất</b> .....	3
<b>1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu</b> .....	3
1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu .....	3
1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu .....	3
1.1.3. Vai trò của nguyên vật liệu trong sản xuất.....	3
1.1.4. Công tác quản lý nguyên vật liệu .....	4
<b>1.2. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu</b> .....	5
1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu.....	5
1.2.2. Phân loại nguyên vật liệu .....	6
1.2.3. Đánh giá nguyên vật liệu.....	8
1.2.3.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.....	8
1.2.3.2. Phương pháp đánh giá nguyên vật liệu.....	9
1.2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	15
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	15
1.2.4.2. Sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu .....	17
1.2.4.3. Các phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.....	18
1.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu .....	23
1.2.5.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KKTX.....	24
1.2.5.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KKĐK.....	29
1.2.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	34
1.2.6.1. Mục đích của việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	34
1.2.6.2. Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	35
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	36
1.2.7. Hệ thống sổ kế toán sử dụng.....	37
1.2.7.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	37
1.2.7.2. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái.....	39
1.2.7.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	39
1.2.7.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	41

<b>Chương 2. Thực trạng công tác nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần hoá chất Bình Minh.....</b>	<b>43</b>
<b>2.1. Khái quát chung về công ty.....</b>	<b>43</b>
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	43
2.1.1.1. Quá trình hình thành.....	43
2.1.1.2. Sự phát triển.....	43
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ của công ty .....	44
2.1.2.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh.....	44
2.1.2.2. Quy trình công nghệ.....	44
2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.....	45
2.1.3.1. Thuận lợi.....	45
2.1.3.2. Khó khăn.....	46
2.1.4. Những thành tích cơ bản mà cty đã đạt được trong những năm qua .....	47
2.1.5. Mô hình tổ chức của công ty.....	47
2.1.5.1. Bộ phận quản lý.....	48
2.1.5.2. Bộ phận sản xuất.....	49
2.1.6. Đặc điểm của tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	51
2.1.7. Chế độ kế toán, hình thức kế toán, hệ thống sổ sách công ty sử dụng	53
2.1.7.1. Chế độ kế toán áp dụng.....	53
2.1.7.2. Hình thức kế toán.....	53
2.1.7.3. Hệ thống sổ sách công ty sử dụng.....	53
<b>2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần hoá chất Bình Minh .....</b>	<b>55</b>
2.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu.....	55
2.2.2. Phân loại nguyên vật liệu .....	55
2.2.3.Đánh giá nguyên vật liệu.....	56
2.2.4. Kế toán nguyên vật liệu.....	57
2.2.4.1. Quy trình kế toán.....	57
2.2.4.2.Chứng từ, thủ tục nhập – xuất kho nguyên vật liệu.....	59
2.2.4.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	78
2.2.4.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	94

---

2.2.4.5. Kiểm kê đánh giá vật tư tồn kho.....	102
<b><i>Chương 3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần hoá chất Bình Minh.....</i></b>	<b>104</b>
<b><i>3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty.....</i></b>	<b>104</b>
3.1.1. Những ưu điểm và kết quả đạt được.....	104
3.1.2. Những khó khăn, tồn tại.....	106
<b><i>3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.....</i></b>	<b>107</b>
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.....	107
3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu	109
<b><i>Kết luận.....</i></b>	<b>115</b>

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Hạch toán kế toán luôn là một bộ phận quan trọng cấu thành hệ thống công cụ quản lý kinh tế, tài chính. Vì vậy, kế toán có vai trò vô cùng quan trọng và cần thiết với hoạt động tài chính doanh nghiệp. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế, hệ thống kế toán Việt Nam đã không ngừng được cải thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc tăng cường và nâng cao chất lượng quản lý tài chính quốc gia, quản lý doanh nghiệp.

Kế toán nguyên vật liệu (NVL) là một bộ phận quan trọng và không thể thiếu trong hoạt động kế toán nói chung. Là một trong 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, NVL chiếm một vị trí to lớn, là khâu đầu vào của quá trình sản xuất, là yếu tố cấu thành nên thực thể sản phẩm. Do đó việc hạch toán, quản lý, sử dụng NVL luôn là một vấn đề quan tâm hàng đầu.

Ngày nay trong nền kinh tế thị trường việc cung cấp, sử dụng NVL phải gắn liền với hiệu quả kinh tế. Cung cấp NVL đầy đủ kịp thời để tránh tình trạng thiếu NVL ảnh hưởng tới tiến độ sản xuất hoặc tình trạng thừa NVL, gây ứ đọng vốn. Việc sử dụng NVL sao cho tiết kiệm tránh lãng phí, hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng đòi hỏi các doanh nghiệp phải tổ chức công tác kế toán, quản lý và sử dụng NVL một cách hợp lý đảm bảo cho quá trình hoạt động sản xuất diễn ra liên tục đạt hiệu quả cao.

Nhận thức về tầm quan trọng của vật liệu đối với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời qua nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh, được sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc Công ty, các cô chú phòng kế toán Công ty, em nhận thấy kế toán vật liệu ở Công ty giữ một vai trò rất quan trọng. Chính vì vậy em đã chọn và đi sâu vào nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh”***.



Đề tài được trình bày với 3 phần chính:

**Chương 1:** Lý luận chung về công tác kế toán NVL trong các doanh nghiệp sản xuất.

**Chương 2:** Thực trạng về công tác kế toán NVL tại công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

**Chương 3:** Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL tại công ty phân hóa chất Bình Minh

Do thời gian ngắn và kiến thức còn hạn chế nên khóa luận của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong được thầy cô giáo góp ý bổ sung để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn **cô giáo, cử nhân Bùi Thị Chung** cùng toàn thể các cô chú phòng tài chính kế toán của Công ty phân hóa chất Bình Minh đã tận tình hướng dẫn để em hoàn thành khóa luận này.

**CHƯƠNG I****LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU  
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT****1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu.****1.1.1. Khái niệm nguyên liệu vật liệu.**

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hoá, là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất sản phẩm, là cơ sở vật chất cấu thành nên sản phẩm, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh, là tài sản lưu động dự trữ cho quá trình sản xuất kinh doanh.

**1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu.**

Về mặt hiện vật: NVL thường phong phú, đa dạng về chủng loại, công dụng, hình thái vật chất. Giá trị của NVL tiêu hao trong quá trình sản xuất tạo nên giá trị của sản phẩm hàng hoá dịch vụ. Tỷ trọng của chúng trong giá trị sản phẩm, dịch vụ tùy thuộc vào loại hình DN. Thông thường đối với các DN sản xuất thì giá trị NVL chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong giá trị sản phẩm.

Về mặt giá trị: NVL khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu, nó bị biến dạng hoặc tiêu hao hoàn toàn. NVL chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh. Giá trị của NVL được chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị mới sản phẩm tạo ra, hoặc vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**1.1.3. Vai trò của nguyên vật liệu trong sản xuất.**

Trong các DN sản xuất, nguyên vật liệu là tài sản dự trữ sản xuất thuộc tài sản lao động. Nó là cơ sở vật chất hình thành nên sản phẩm mới, là 1 trong 3 yếu tố không thể thiếu được khi tiến hành sản xuất sản phẩm. Vì vậy việc cung cấp nguyên vật liệu có kịp thời hay không đều có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất.

Mặt khác chất lượng sản phẩm cao hay thấp phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng nguyên vật liệu sử dụng. Qua đó, ta thấy nguyên vật liệu có vị trí quan trọng như thế nào đối với các DN sản xuất kinh doanh, giá trị nguyên

vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của một DN, chúng là đối tượng lao động trực tiếp của quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm. Thiếu nguyên vật liệu, sản xuất sẽ bị đình trệ, giá trị sản phẩm của DN phụ thuộc rất nhiều vào tình hình biến động chi phí nguyên vật liệu vì chúng thường chiếm 60-80% giá thành sản phẩm.

Từ đó cho thấy chi phí nguyên vật liệu có ảnh hưởng không nhỏ tới lợi nhuận của DN, vì vậy đòi hỏi các DN phải chú trọng tới công tác kế toán nguyên vật liệu, để sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả nhất sao cho với cùng một khối lượng vật liệu nhất định có thể làm ra được nhiều sản phẩm hơn, chất lượng tốt hơn...

Điều đó giúp DN có thể đứng vững và cạnh tranh trong cơ chế thị trường hiện nay. Muốn vậy DN phải quản lý chặt chẽ vật liệu ở tất cả các khâu: Thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu nhằm hạ thấp chi phí vật liệu, giảm mức tiêu hao vật liệu, có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, tăng tích lũy cho mình.

#### ***1.1.4. Công tác quản lý nguyên vật liệu.***

Với đặc điểm chi phí NVL chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh và trong giá thành sản phẩm ở các DN sản xuất thì tăng cường công tác quản lý, công tác kế toán NVL nhằm đảm bảo sử dụng tiết kiệm hiệu quả NVL từ đó góp phần hạ giá thành sản phẩm là một vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, luôn được các nhà quản lý DN quan tâm.

Xuất phát từ những vấn đề trên, yêu cầu quản lý NVL phải đạt được là quản lý ở tất cả các khâu, từ khâu thu mua đến bảo quản, dự trữ và sử dụng NVL. Cụ thể là:

- Trong khâu thu mua: Quản lý chặt chẽ quá trình thu mua NVL về các mặt số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua và chi phí mua cũng như các kế hoạch mua theo đúng tiến độ thời gian, phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của DN. Vì vậy DN phải thường xuyên phân tích tình hình

thu mua NVL, tìm hiểu nguồn cung cấp để lựa chọn nguồn mua, đảm bảo về số lượng, chủng loại, quy cách với giá cả, chi phí mua là thấp nhất.

-Trong khâu bảo quản: Phải đảm bảo tổ chức tốt kho tàng bên bãi, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với vật liệu, hệ thống kho tàng, phương tiện vận chuyển phải phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng loại vật tư nhằm hạn chế mất mát hư hỏng vật tư trong quá trình vận chuyển, bảo quản, đảm bảo an toàn vật tư về cả số lượng, chất lượng.

-Trong khâu dự trữ: Phải lập dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại, đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị ngưng trệ, song, cũng không dư thừa quá mức (không vượt quá mức tối đa để tăng vòng quay của vốn) và không nhỏ quá mức tối thiểu để sản xuất được liên tục, bình thường. Định mức tồn kho NVL còn là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu mua NVL và kế hoạch tài chính của doanh nghiệp.

-Trong khâu sử dụng: Sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức, và dự toán chi phí sản xuất có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hạ thấp chi phí và giá thành.

Do vậy trong khâu sản xuất cần lập định mức tiêu hao NVL và có quy chế trách nhiệm cụ thể đối với việc sử dụng NVL, xác định đúng giá trị NVL đã sử dụng để tính vào chi phí.

Nói tóm lại, tăng cường công tác quản lý NVL là cần thiết và tất yếu trong các DN sản xuất. Có quản lý tốt NVL mới đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục, không bị ngưng trệ. Và có làm tốt công tác quản lý NVL sẽ giảm bớt chi phí trong giá thành sản phẩm, mang lại lợi nhuận cao nhất. Bên cạnh đó, những thông tin về mức chi phí thực tế của NVL xuất dùng và sử dụng đó cũng là cơ sở để cấp lãnh đạo đưa ra quyết định đúng đắn.

## ***1.2 Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu.***

### ***1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu.***

Nguyên vật liệu là yếu tố đầu tiên của quá trình sản xuất, nếu biết cách quản lý tốt và có kế hoạch sử dụng hiệu quả sẽ trở thành một lợi thế

cạnh tranh rất lớn của doanh nghiệp. Hạch toán nguyên vật liệu nhằm cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin cho quản lý giúp các doanh nghiệp ngăn ngừa các hiện tượng sử dụng lãng phí tham ô, làm thất thoát nguyên vật liệu trong quá trình sử dụng, từ đó hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Xuất phát từ yêu cầu đó kế toán nguyên vật liệu cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác kịp thời số lượng, chất lượng và giá trị thực tại của từng loại nguyên vật liệu đồng thời phản ánh giá trị nhập- xuất - tồn, tiêu hao sử dụng cho sản xuất.

- Tổ chức đánh giá, phân loại nguyên vật liệu phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu quản lý của nhà nước và yêu cầu của quản trị doanh nghiệp.

- Phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch thu mua và dự trữ nguyên vật liệu. Phát hiện kịp thời nguyên vật liệu tồn đọng kém phẩm chất để có biện pháp xử lý nhằm hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất.

- Kiểm tra chi phí thu mua, tính giá nguyên vật liệu nhập xuất kho.

- Phân bổ giá trị nguyên vật liệu một cách đúng đắn.

- Vận dụng đúng đắn các phương pháp hạch toán nguyên vật liệu theo chế độ.

- Tổ chức chứng từ, sổ sách kế toán phù hợp với phương pháp hạch toán nguyên vật liệu của doanh nghiệp. Mở các loại sổ sách thể chi tiết nguyên vật liệu đúng chế độ.

### ***1.2.2. Phân loại nguyên vật liệu.***

Phân loại NVL là việc phân chia NVL của DN thành từng nhóm, từng loại, từng thứ NVL theo những tiêu thức phân loại nhất định nhằm phục vụ yêu cầu quản lý NVL trong DN.

NVL trong DN có nhiều loại, nhiều thứ khác nhau về nội dung kinh tế, công dụng, tính năng, tính chất lý hoá học. Không thể có biện pháp nào để quản lý cho tất cả các loại NVL đó có hiệu quả mà phải phụ thuộc vào từng loại, từng thứ NVL khác nhau để có biện pháp quản lý cho phù hợp.

*\* Căn cứ vào công dụng kinh tế và vai trò của từng loại NVL trong quá trình sản xuất kinh doanh, có thể chia NVL thành:*

- NVL chính (gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài)

NVL chính là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể sản phẩm. Toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu được chuyển vào sản phẩm mới. Đối với nửa thành phẩm mua ngoài là vật liệu chính với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm, hàng hoá.

-Vật liệu phụ: Là các loại vật liệu được dùng trong sản xuất để tăng chất lượng sản phẩm hoặc hoàn chỉnh sản phẩm, hoặc phục vụ cho công việc quản lý sản xuất, bao gói sản phẩm... các loại vật liệu này không cấu thành nên thực thể sản phẩm.

-Nhiên liệu: Là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong sản xuất kinh doanh, phục vụ cho công nghệ sản xuất, phương tiện vận tải, công tác quản lý. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, rắn hay thể khí gồm: xăng, dầu, than củi, khí gas...

-Phụ tùng thay thế: Là các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải.

-Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm các vật liệu và thiết bị (cần lắp, không cần lắp, vật kết cấu, công cụ, khí cụ...) mà DN mua và nhằm vào sử dụng để lắp đặt cho công trình xây dựng cơ bản.

-Vật liệu khác: Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên, thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định.

*\* Căn cứ vào nguồn gốc: NVL được chia thành ba nguồn:*

-NVL mua ngoài: Là loại vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu

-NVL tự chế biến, gia công: Do DN tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất

-NVL khác: là loại nguyên vật liệu được hình thành do được cấp phát, biếu tặng, góp vốn liên doanh.

\* *Căn cứ vào mục đích và nơi sử dụng của NVL có thể chia NVL thành:*

-NVL dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh:

-NVL dùng cho công tác quản lý.

-NVL dùng cho mục đích khác: Như nhượng bán, đem góp vốn liên doanh, đem quyên tặng.

### **1.2.3. Đánh giá NVL**

#### **1.2.3.1 Nguyên tắc đánh giá**

Đánh giá NVL là việc xác định giá trị NVL theo những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định.

Khi đánh giá NVL phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

\* **Nguyên tắc giá gốc.** Theo điều 04 chuẩn mực kế toán số 02- hàng tồn kho. “Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được”. Trong đó:

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được: là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Như vậy phù hợp với chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp, nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế.

\***Nguyên tắc thận trọng:** Biểu hiện ở chỗ DN có đánh giá chính xác mức độ giảm giá NVL khi thấy có sự chênh lệch giữa giá hạch toán trên sổ kế toán với giá thị trường, dựa trên cơ sở đó lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



**\*Nguyên tắc nhất quán:** Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật tư, hàng hoá phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp kế toán nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. DN có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

### 1.2.3.2 Phương pháp đánh giá nguyên vật liệu.

Về nguyên tắc vật liệu là tài sản lưu động thuộc nhóm hàng tồn kho được đánh giá theo trị giá thực tế. Khi xuất kho cũng phải xác định giá thực tế xuất kho theo đúng phương pháp quy định. Như vậy chỉ có một phương pháp đánh giá vật liệu, đó là phương pháp giá vốn. Tuy nhiên để đơn giản và giảm bớt khối lượng ghi chép, tính toán hàng ngày, các doanh nghiệp xác định giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ có thể sử dụng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập – xuất – tồn vật liệu.

#### 1.2.3.2.1 Đánh giá vật liệu theo trị giá vốn thực tế.

**\* Xác định trị giá vốn của NVL nhập kho:** Được xác định theo từng nguồn nhập.

- Đối với NVL mua ngoài:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL mua} \\ \text{ngoài} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hoá đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{mua} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Các loại thuế} \\ \text{không được} \\ \text{khấu trừ, không} \\ \text{được hoàn lại} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{giảm trừ} \end{array}$$

Trong đó:

+ Giá mua là giá chưa có thuế GTGT nếu NVL mua về dùng để sản xuất các mặt hàng chịu thuế GTGT và DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Giá mua là giá có thuế GTGT nếu NVL mua về sử dụng vào việc sản xuất các mặt hàng không chịu thuế GTGT hoặc hoạt động phúc lợi hoặc với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.



+ Chi phí thu mua bao gồm: chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bốc xếp, bảo quản, phân loại trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng (công tác phí của cán bộ mua hàng, chi phí của bộ phận mua hàng độc lập) và khoản hao hụt tự nhiên trong định mức..

+ Các khoản giảm trừ: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua do không đúng quy cách phẩm chất.

- Đối với NVL tự gia công chế biến:

$$\text{Giá thực tế NVL nhập kho} = \text{Giá thực tế NVL xuất gia công chế biến} + \text{Chi phí gia công chế biến}$$

Chi phí gia công chế biến: bao gồm những chi phí liên quan trực tiếp đến sản xuất sản phẩm như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định, chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm

-Đối với NVL thuê ngoài gia công chế biến:

$$\text{Giá thực tế của NVL thuê ngoài GCCB} = \text{Giá thực tế của NVL xuất thuê ngoài GCCB} + \text{Chi phí thuê ngoài GCCB} + \text{Chi phí vận chuyển (nếu có)}$$

Trong đó, tiền thuê ngoài gia công chế biến, tiền vận chuyển (nếu có) sẽ bao gồm cả thuế GTGT nếu NVL được dùng để sản xuất mặt hàng không chịu thuế GTGT hoặc DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, sẽ không bao gồm thuế GTGT nếu sản phẩm sản xuất ra là đối tượng không chịu thuế GTGT và DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Đối với NVL nhận vốn góp liên doanh thì giá thực tế của NVL nhập kho là giá do hội đồng liên doanh đánh giá và các chi phí khác phát sinh khi tiếp nhận.

$$\text{Giá thực tế NVL nhập kho} = \text{Trị giá vốn góp do hội đồng liên doanh xác định} + \text{Chi phí vận chuyển bốc dỡ (nếu có)}$$

- Đối với NVL được biếu tặng:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế của NVL} & & \text{Giá thị trường tại thời} & & \text{Chi phí phát} \\ \text{nhập kho} & = & \text{điểm nhận} & + & \text{sinh} \end{array}$$

- Đối với NVL được nhà Nước cấp

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế của NVL} & & \text{Giá trị vốn NSNN được} & & \text{Chi phí phát} \\ \text{nhập kho} & = & \text{ghi nhận} & + & \text{sinh} \end{array}$$

- Đối với NVL là phế liệu thu hồi: giá thực tế NVL nhập kho là giá ước tính của NVL có thể sử dụng được, bán được trên thị trường.

**\* Xác định trị giá vốn của nguyên vật liệu xuất kho.**

NVL được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó khi xuất kho NVL tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động, yêu cầu, trình độ quản lý và điều kiện trang bị phương tiện trang bị kỹ thuật tính toán ở từng DN mà lựa chọn một trong các phương pháp sau để xác định trị giá vốn thực tế của NVL xuất kho.

#### ***Phương pháp nhập trước xuất trước ( FIFO )***

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Phương pháp này có ưu điểm là cho phép kế toán có thể tính giá NVL xuất kho kịp thời. Tuy nhiên, nó có nhược điểm là phải tính giá theo từng danh điểm NVL và phải hạch toán chi tiết NVL tồn kho theo từng loại giá nên tốn nhiều công sức. Ngoài ra, phương pháp này làm cho chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NVL

#### ***Phương pháp nhập sau xuất trước ( LIFO )***

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng hoá nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

Về cơ bản ưu, nhược điểm và điều kiện vận dụng của phương pháp nhập sau xuất trước cũng giống phương pháp nhập trước xuất trước, nhưng dùng phương pháp này sẽ giúp cho chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NVL.

### ***Phương pháp tính theo giá đích danh***

Theo phương pháp này, khi xuất kho NVL thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của NVL xuất kho.

Phương pháp này được áp dụng cho những DN có nhiều chủng loại vật tư ít và nhận diện được từng lô hàng.

Phương pháp này có ưu điểm là công tác tính giá NVL được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá NVL xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô NVL. Tuy nhiên, để áp dụng được phương pháp này thì điều kiện cốt yếu là hệ thống kho tàng của doanh nghiệp cho phép bảo quản riêng từng lô NVL nhập kho.

### ***Phương pháp bình quân gia quyền:***

Theo phương pháp này, giá trị xuất kho của từng loại vật tư được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị của từng loại hàng tồn kho nhập trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp

Phương pháp bình quân gia quyền có thể thực hiện theo cả kỳ hoặc bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn).

+) Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ: Trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho được tính căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ theo công thức:

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kì dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít danh điểm NVL nhưng số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

Ưu điểm của phương pháp là giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết NVL so với phương pháp nhập trước xuất trước và nhập sau xuất trước, không phụ thuộc vào số lần nhập, xuất của từng danh điểm NVL.

Nhược điểm của phương pháp là dồn việc tính giá NVL xuất kho vào cuối kì hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác.

+) Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Số lượng xuất} \times \text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập}$$

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này cho phép kế toán tính giá NVL xuất kho kịp thời nhưng khối lượng công việc tính toán nhiều và phải tiến hành tính giá theo từng danh điểm NVL. Phương pháp này chỉ sử dụng được ở những doanh nghiệp có ít danh điểm NVL và số lần nhập của mỗi loại không nhiều, thích hợp với các doanh nghiệp đã làm kế toán máy.

***1.2.3.2.2. Một số lưu ý về đánh giá NVL theo giá hạch toán trong phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ:***

Đối với các Doanh nghiệp xác định giá vốn của nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ, và NVL thường xuyên có sự biến động về giá cả, khối lượng và chủng loại thì có thể sử dụng giá hạch toán để đánh giá NVL.

Giá hạch toán là giá ổn định do DN tự xây dựng, phục vụ cho công tác hạch toán chi tiết vật tư. Giá này không có tác dụng giao dịch với bên ngoài. Sử dụng giá hạch toán, việc xuất kho hàng ngày được thực hiện theo giá hạch toán, cuối kì kế toán phải tính ra giá thực tế để ghi sổ kế toán tổng hợp.

Để tính được giá thực tế, trước hết phải tính hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán của nguyên vật liệu luân chuyển trong kì (H) theo công thức sau:

$$\text{Hệ số giá(H)} = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế vật tư nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán vật tư nhập trong kỳ}}$$

Khi đó: Trị giá thực tế của NVL xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá vốn thực tế NVL xuất kho} = \text{Trị giá hạch toán NVL xuất kho} \times \text{Hệ số giá (H)}$$

Phương pháp này giảm nhẹ khối lượng tính toán của kế toán nhưng độ chính xác của công việc phụ thuộc nhiều vào tình hình biến động giá cả NVL, trường hợp giá cả thị trường NVL có sự biến động lớn thì phương pháp này trở nên thiếu chính xác có trường hợp gây ra bất hợp lý.

Nói chung, ở mỗi phương pháp tính giá NVL xuất kho đều có ưu nhược điểm riêng và có những điều kiện áp dụng phù hợp nhất định. Doanh nghiệp cần căn cứ vào đặc điểm hoạt động sản xuất, khả năng trình độ của cán bộ kế toán cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp mà đăng ký phương pháp tính giá thích hợp, đảm bảo nguyên tắc nhất quán trong các niên độ kế toán.

Khi muốn thay đổi phải giải trình và đăng ký lại đồng thời phải được thể hiện công khai trên báo cáo tài chính. Nhờ vậy có thể kiểm tra, đánh giá chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **1.2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.**

Như chúng ta đã biết, NVL trong các doanh nghiệp thường có nhiều chủng loại khác nhau, nếu thiếu một loại nào đó có thể gây ra ngừng sản xuất, chính vì vậy hạch toán chi tiết NVL phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của từng danh điểm NVL. Kế toán chi tiết NVL là việc ghi chép thường xuyên sự biến động nhập, xuất, tồn từng loại, nhóm, thứ NVL. Hạch toán chi tiết phải tiến hành đồng thời ở cả kho và phòng kế toán trên cơ sở các chứng từ nhập xuất. Trong thực tế công tác kế toán hiện nay ở nước ta các doanh nghiệp thường áp dụng một trong ba phương pháp hạch toán chi tiết NVL là:

- Phương pháp ghi thẻ song song.
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.
- Phương pháp sổ dư.

##### **1.2.4.1. Chứng từ sử dụng:**

Để đáp ứng nhu cầu quản lý Doanh nghiệp, kế toán chi tiết NVL phải được thực hiện theo từng kho, từng loại, nhóm vật liệu và được tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng một cơ sở chứng từ.

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định của Bộ tài chính, các chứng từ kế toán NVL sử dụng bao gồm:

- **Phiếu nhập kho (mẫu số 01- VT):** Phiếu này do bộ phận cung ứng lập trên cơ sở hóa đơn, giấy báo nhận hàng và biên bản kiểm nghiệm. Đây là loại chứng từ bắt buộc gồm 2 liên (nếu NVL mua ngoài), 3 liên (nếu NVL do gia công chế biến)

+ Liên 1: Giữ lại ở bộ phận cung ứng

+ Liên 2: Giao cho thủ kho để ghi thẻ kho sau đó chuyển lên cho kế toán ghi sổ

+ Liên 3 (nếu có): Người lập giữ

- **Phiếu xuất kho (mẫu số 02 - VT)**: Sử dụng khi xuất kho vật tư nhưng chủ yếu là xuất kho NVL không thường xuyên với khối lượng sử dụng ít, gồm 3 liên do bộ phận sử dụng hoặc bộ phận cung ứng lập.

+ Liên 1: Lưu tại nơi lập

+ Liên 2: Giao thủ kho để ghi thẻ kho rồi chuyển lên cho kế toán.

+ Liên 3: Giao cho người nhận vật tư để ghi sổ kế toán khi sử dụng

- **Biên bản kiểm nghiệm vật tư sản phẩm hàng hóa (mẫu số 03 - VT)**:

Biên bản được lập lúc hàng về đến doanh nghiệp trên cơ sở giấy báo nhận hàng. Doanh nghiệp có trách nhiệm lập ban kiểm nghiệm vật tư để kiểm nghiệm NVL thu mua cả về số lượng, chất lượng, quy cách, mẫu mã. Ban kiểm nghiệm căn cứ vào thực tế ghi vào “Biên bản kiểm nghiệm vật tư”, gồm 2 bản:

+ Một bản giao cho phòng cung ứng để làm cơ sở có lập phiếu nhập kho hay không

+ Một bản giao cho kế toán.

- **Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (mẫu số 04 - VT)**: Trường hợp sử dụng tiếp mà không nhập kho, bộ phận đó phải lập “Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ”, từ đó xác định số NVL đã tính vào chi phí kỳ này được chuyển sang kỳ sau, gồm 2 bản:

+ Một bản giao cho phòng cung ứng.

+ Một bản giao cho kế toán.

- **Biên bản kiểm kê vật tư công cụ sản phẩm hàng hóa (mẫu số 05 - VT)**: Vào cuối kỳ ở mỗi kho phải tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định số

NVL tồn kho cuối kỳ và lập Biên bản kiểm kê vật tư làm cơ sở đối chiếu với số liệu ghi chép, phát hiện ra các trường hợp thừa thiếu vật tư để có biện pháp xử lý kịp thời, gồm 2 bản:

- + Một bản giao cho thủ kho
- + Một bản giao cho kế toán.

- **Bảng phân bổ NVL, CCDC (mẫu 07-VT)**

- **Chứng từ, hoá đơn thuế GTGT (mẫu 01 - GTGT - 3LL).**

Bên cạnh đó, tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình cụ thể của từng Doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế khác nhau mà kế toán sử dụng các chứng từ khác nhau.

Đối với các chứng từ kế toán thống nhất, bắt buộc phải được lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung phương pháp lập và phải được tổ chức luân chuyển theo trình tự thời gian do Kế toán trưởng quy định, phục vụ cho việc ghi chép kế toán tổng hợp và các bộ phận liên quan. Đồng thời người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

#### **1.2.4.2. Sổ kế toán chi tiết NVL.**

Đề hạch toán chi tiết vật liệu, tùy thuộc vào phương pháp kế toán áp dụng trong Doanh nghiệp mà sử dụng các sổ thể chi tiết sau:

- Sổ (thẻ) kho (theo mẫu số S12 - DN).
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Sổ đối chiếu luân chuyển.
- Sổ số dư.

Ngoài các sổ kế toán chi tiết nêu trên các Doanh nghiệp còn có thể mở thêm các bảng kê nhập, bảng kê xuất, bảng kê lũy kế tổng hợp nhập xuất tồn kho vật tư phục vụ cho hạch toán của đơn vị mình.



### ***1.2.4.3. Các phương pháp hạch toán chi tiết NVL.***

#### ***1.2.4.3.1. Phương pháp ghi thẻ song song.***

*\* Nguyên tắc hạch toán:*

- ở kho: việc ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho hàng ngày do thủ kho tiến hành trên thẻ kho và chỉ ghi theo chỉ tiêu số lượng.

- ở phòng kế toán: kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết vật tư để ghi chép tình hình nhập xuất kho theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Về cơ bản sổ kế toán chi tiết vật tư có kết cấu giống như thẻ kho nhưng có thêm cột giá trị.

*\* Trình tự hạch toán:*

- ở kho: khi nhận được các chứng từ nhập, xuất NVL thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép sổ thực nhập, thực xuất vào chứng từ và vào thẻ kho. Cuối ngày thủ kho tính ra số tồn kho ghi luôn vào thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi về phòng kế toán hoặc kế toán xuống tận kho nhận chứng từ (các chứng từ nhập xuất vật tư đã được phân loại).

Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn kho với số vật liệu thực tế tồn kho, thường xuyên đối chiếu số dư vật liệu với định mức dự trữ vật liệu và cung cấp tình hình này cho bộ phận quản lý vật liệu được biết để có quyết định xử lý.

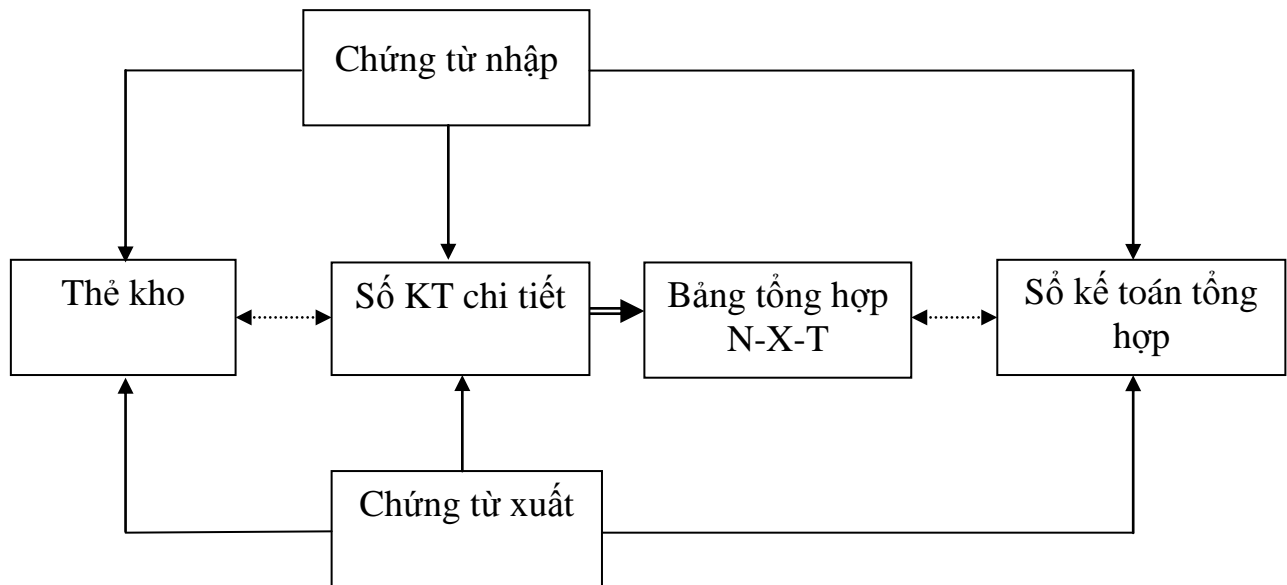
- ở phòng kế toán: phòng kế toán mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu có kết cấu giống như thẻ kho nhưng thêm các cột để theo dõi cả chỉ tiêu giá trị. Khi nhận được chứng từ nhập xuất do thủ kho gửi lên, kế toán vật liệu phải kiểm tra chứng từ, ghi đơn giá và tính thành tiền trên các chứng từ nhập xuất kho vật liệu sau đó ghi vào sổ (thẻ) hoặc sổ chi tiết vật liệu liên quan.

Cuối tháng kế toán vật liệu cộng sổ (thẻ) chi tiết để tính ra tổng số nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu đối chiếu với sổ (thẻ) kho của thủ kho. Ngoài ra để có số liệu đối chiếu với kế toán tổng hợp thì cần phải tổng hợp số

liệu kế toán chi tiết từ các “Sổ chi tiết” vào “Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn” theo từng nhóm, từng loại vật tư.

Có thể khái quát nội dung trình tự hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song bằng sơ đồ sau:

***Sơ đồ 01: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.***



***Ghi chú:***

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

\* *Ưu nhược điểm, phạm vi áp dụng*

+ Ưu điểm: ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu.

+ Nhược điểm: việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán còn trùng lặp các chỉ tiêu về số lượng. Ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu các yếu tố tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng kịp thời của kế toán.

+ Phạm vi áp dụng: Thích hợp với các doanh nghiệp ít chủng loại vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập xuất ít, không thường xuyên và nghiệp vụ của kế toán chuyên môn còn hạn chế.

***1.2.4.3.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.***

## \* Nguyên tắc hạch toán:

- ở kho: việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho và chỉ ghi chép về tình hình biến động của vật liệu về mặt số lượng.

- ở phòng kế toán: sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để ghi tổng hợp về số lượng và giá trị của từng loại vật liệu nhập xuất tồn kho trong tháng.

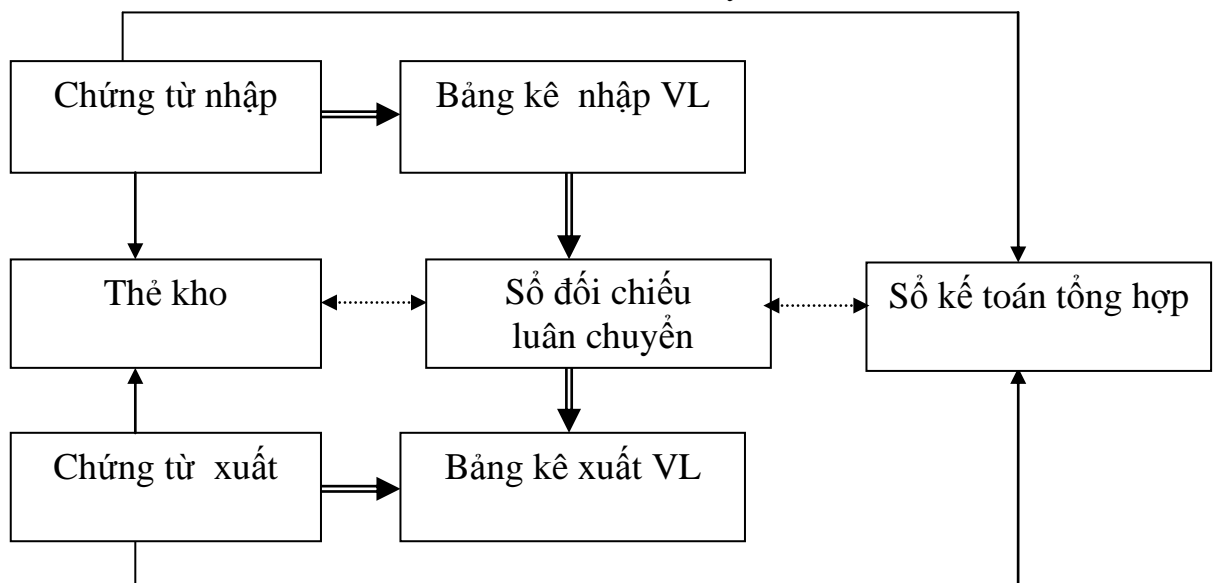
## \* Trình tự hạch toán:

- ở kho: theo phương pháp đối chiếu luân chuyển thì việc ghi chép của thủ kho cũng được tiến hành trên thẻ kho như phương pháp thẻ song song.

- ở phòng kế toán: kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng loại vật tư ở từng kho. Sổ được mở cho cả năm nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập xuất thủ kho gửi lên. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi cả về chỉ tiêu khối lượng và chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và với số liệu của sổ kế toán tổng hợp.

Nội dung và trình tự hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được khái quát theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 02: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.**



***Ghi chú:***

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

***\* Ưu nhược điểm, phạm vi áp dụng***

+ Ưu điểm: khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

+ Nhược điểm: việc ghi sổ kế toán trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật, việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán cũng chỉ tiến hành vào cuối tháng nên công tác kiểm tra bị hạn chế.

+ Phạm vi áp dụng: áp dụng thích hợp cho các doanh nghiệp sản xuất có không nhiều nghiệp vụ nhập – xuất; không bố trí riêng nhân viên kế toán vật liệu, do vậy không có điều kiện ghi chép theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.

***1.2.4.3.3. Phương pháp sổ dư******\* Nguyên tắc hạch toán:***

- ở kho: thủ kho chỉ theo dõi tình hình nhập xuất vật liệu theo chỉ tiêu hiện vật.

- ở phòng kế toán: theo dõi tình hình nhập xuất vật liệu theo từng nhóm, từng loại vật liệu theo chỉ tiêu giá trị.

***\* Trình tự hạch toán:***

- ở kho: thủ kho cũng ghi thẻ kho giống như các trường hợp trên. Nhưng cuối tháng phải tính ra số tồn kho rồi ghi vào cột số lượng của sổ số dư.

- ở phòng kế toán: kế toán mở sổ số dư theo từng kho. Sổ dùng cho cả năm để ghi chép tình hình nhập xuất. Từ các phiếu giao nhận chứng từ nhập, phiếu giao nhận chứng từ xuất kế toán lập bảng lũy kế nhập, lũy kế

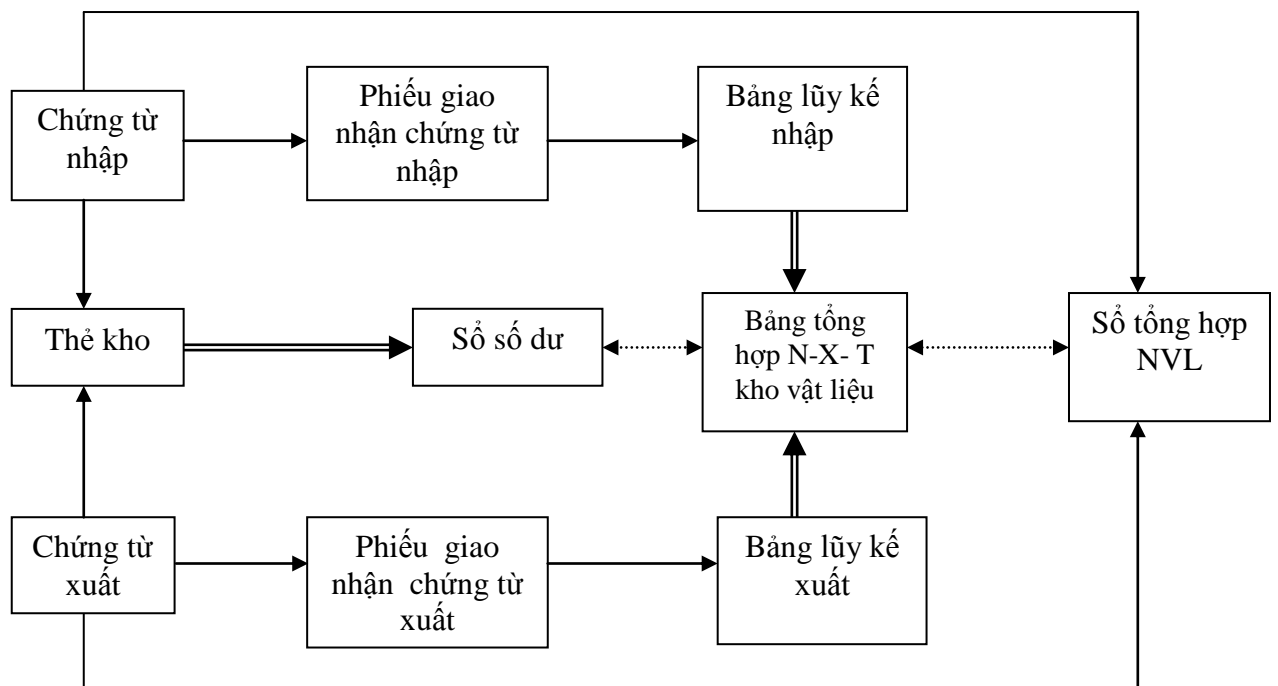
xuất, rồi từ các bảng lũy kế lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn theo từng nhóm từng loại vật tư theo chỉ tiêu giá trị.

Cuối tháng, khi nhận sổ số dư do thủ kho gửi lên kế toán căn cứ vào sổ tồn cuối tháng, sử dụng giá hạch toán tính ra giá trị tồn kho để ghi vào cột số tiền trên sổ số dư.

Việc kiểm tra đối chiếu được căn cứ vào cột số tiền tồn kho trên sổ số dư và bảng kê tổng hợp nhập xuất tồn (cột số tiền) và đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.

Nội dung, trình tự kế toán chi tiết vật tư theo phương pháp sổ số dư được khái quát bằng sơ đồ:

***Sơ đồ 03: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.***



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

\* Ưu nhược điểm, phạm vi áp dụng

+ Ưu điểm: Giảm được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi theo chỉ tiêu số tiền và ghi theo nhóm vật tư, hàng hoá. Phương pháp này đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán doanh nghiệp và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện kiểm tra được thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho. Công việc được dàn đều trong tháng.

+ Nhược điểm: Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ vật tư, hàng hoá nên để có thông tin về tình hình nhập, xuất, tồn của thứ vật tư, hàng hoá nào thì căn cứ vào số liệu trên thẻ kho. Việc kiểm tra, phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán rất phức tạp.

+ Phạm vi áp dụng: Doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá, việc nhập-xuất diễn ra thường xuyên. Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư, hàng hoá hợp lý. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

#### ***1.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.***

NVL là tài sản lưu động thuộc nhóm hàng tồn kho của Doanh nghiệp, nó được nhập xuất kho thường xuyên liên tục. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm NVL của từng Doanh nghiệp mà các Doanh nghiệp có các phương pháp kiểm kê khác nhau. Có Doanh nghiệp kiểm kê theo từng nghiệp vụ nhập xuất, nhưng cũng có Doanh nghiệp chỉ kiểm kê một lần vào thời điểm cuối kỳ. Tương ứng với hai phương pháp kiểm kê trên, trong kế toán tổng hợp về nguyên vật liệu nói riêng, hàng tồn kho nói chung có hai phương pháp là:

- Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp kiểm kê định kỳ.

Việc tính giá thực tế NVL nhập kho là như nhau đối với cả 2 phương pháp, nhưng giá vật tư xuất kho lại khác nhau.

Theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá thực tế vật liệu xuất kho được căn cứ vào các chứng từ xuất kho sau khi đó tập hợp phân loại theo đối tượng sử dụng để ghi sổ kế toán.

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, giá trị vật liệu xuất dùng lại căn cứ vào giá trị thực tế tồn kho đầu kỳ, mua (nhập) trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá vật tư} & = & \text{Trị giá vật tư tồn} & \text{Trị giá vật tư} & \text{Trị giá vật tư} \\ \text{xuất kho} & & \text{kho đầu kỳ} & \text{nhập trong kỳ} & \text{tồn kho cuối} \\ & & & & \text{kỳ} \end{array}$$

#### ***1.2.5.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KCTX, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.***

##### ***\* Đặc điểm:***

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho. Phương pháp này được sử dụng phổ biến hiện nay ở nước ta vì những tiện ích của nó, tuy nhiên những Doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá có giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán mà áp dụng phương pháp này sẽ tốn rất nhiều công sức. Dù vậy phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời. Theo phương pháp này, tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập xuất tồn kho của từng loại vật liệu nói riêng và hàng tồn kho nói chung. Cuối kỳ, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế vật tư hàng hóa tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu tồn trên sổ kế toán để xác định số lượng vật tư thừa, thiếu và tìm nguyên nhân để có biện pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp này áp dụng trong các Doanh nghiệp có quy mô lớn, sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau với số lượng lớn, giá trị cao.

##### ***\* Tài khoản kế toán chủ yếu sử dụng***

Đề hạch toán NVL kế toán sử dụng các tài khoản sau đề hạch toán:

- *Tài khoản 152: Nguyên vật liệu.*

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình tăng giảm NVL theo giá thực tế có thể mở chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ, kho tùy theo phương diện quản lý và hạch toán của từng đơn vị.

*Bên Nợ:* Phản ánh giá thực tế làm tăng NVL trong kỳ như mua ngoài, tự gia công chế biến, nhận góp vốn, giá trị NVL thừa khi kiểm kê.

*Bên Có:* - Phản ánh giá thực tế làm giảm NVL trong kỳ như xuất dùng, xuất bán, xuất góp vốn liên doanh, thiếu hụt, chiết khấu được hưởng, trị giá NVL trả lại bên bán, trị giá NVL thiếu khi kiểm kê.

*Số dư Nợ* (đầu kỳ hoặc cuối kỳ): Phản ánh giá trị NVL tồn kho (đầu kỳ hoặc cuối kỳ)

Tài khoản 152 có thể mở thành các tài khoản cấp 2:

TK 1521: NVL chính

TK 1522: Vật liệu phụ

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng thay thế

TK 1525: Vật tư, thiết bị xây dựng cơ bản

TK 1528: Vật liệu khác.

- *Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường.*

Tài khoản này dùng để theo dõi các loại NVL, CCDC, hàng hoá mà Doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho (kể cả số gửi ở kho người khác).

*Bên Nợ:* Phản ánh hàng đang đi đường tăng.

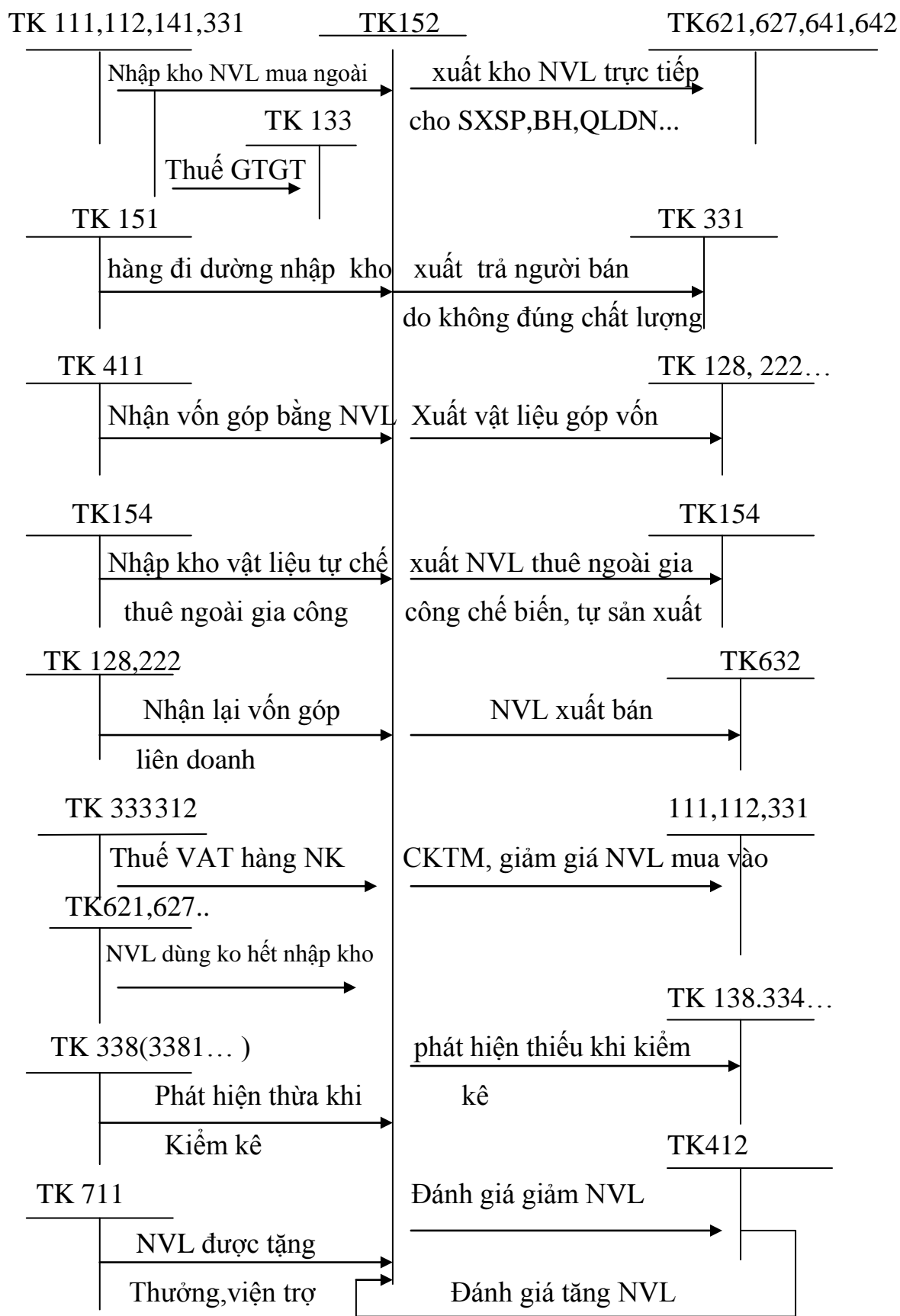
*Bên Có:* Phản ánh trị giá hàng đi đường kỳ trước đã nhập kho hay chuyển giao cho các bộ phận sử dụng hoặc bàn giao cho khách hàng.

*Số dư Nợ:* Phản ánh trị giá hàng đi đường (đầy kỳ hoặc cuối kỳ).

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK 133, 331, 111, 112, 621, 627, 632, ....



**Sơ đồ 04: kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ**



**\*Kế toán tổng hợp tăng nguyên vật liệu do mua ngoài:**

+) Trường hợp mua ngoài hàng hoá và hoá đơn cùng về:

- Căn cứ vào hoá đơn mua hàng, biên bản kiểm nhận và phiếu nhập

kho, kế toán ghi:

Nợ TK 152 : Giá thực tế vật liệu. Chi tiết từng loại sản phẩm

Nợ TK 133 (1331) : Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 331, 111, 112 : Tổng giá thanh toán.

- Trường hợp Doanh nghiệp được hưởng chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, hàng mua trả lại (nếu có), kế toán ghi:

Nợ TK 331 : Trừ vào số tiền phải trả.

Nợ TK 111, 112 : Nếu nhận lại bằng tiền.

Nợ TK 138 (1381) : Số được người bán chấp nhận.

Có TK 152 : Số chiết khấu mua hàng, giảm giá mua hàng được hưởng giá mua không có thuế.

Có TK 133 : Thuế GTGT đầu vào

- Nếu được hưởng chiết khấu thanh toán:

Nợ TK 111, 112, 331, 138:

Có TK 515: Số chiết khấu thanh toán được hưởng tính tổng trên giá thanh toán cả thuế

+) Trường hợp mua ngoài hàng hoá về chưa có hóa đơn:

- Căn cứ vào lượng NVL thực tế nhập kho và giá tạm tính, kế toán ghi:

Nợ TK 152

Có TK 331

- Khi nhận được hóa đơn kế toán dùng bút toán ghi bổ sung hoặc ghi số âm để điều chỉnh giá tạm tính thành giá hóa đơn và phản ánh số thuế GTGT được khấu trừ. Chẳng hạn như giá hóa đơn lớn hơn giá tạm tính, kế toán ghi bổ sung:

Nợ TK 152 : Giá thực tế trừ giá tạm tính

Nợ TK 133 (1331) : Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 331: Tổng giá thanh toán trừ giá tạm tính

+) Trường hợp mua ngoài hàng hoá chưa về nhưng có hóa đơn:

- Kế toán phản ánh hàng mua đang đi đường:

Nợ TK 151 : Phần được tính vào giá NVL

Nợ TK 133 (1331) : Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 331, 111, 112 : Tổng giá thanh toán.

- Khi hàng về căn cứ hóa đơn kế toán ghi:

Nợ TK 621, 627, 641, 642: Trị giá NVL chuyển thẳng cho sử dụng

Nợ TK 152: NVL nhập kho

Có TK 151 : Hàng đi đường đã nhập kho.

+) Các trường hợp tăng khác của NVL:

Nợ TK 152: Giá thực tế chi tiết loại vật liệu

Có 154: Gia công chế biến hoàn thành

Có 128, 222; Nhận lại vốn góp liên doanh ngắn hạn, dài hạn

Có 411: Nhận vốn góp liên doanh

Có 711: Phế liệu thu hồi từ thanh lý TSCĐ

Có 3381: NVL phát hiện thừa khi kiểm kê chờ xử lý

Có 412: Chênh lệch đánh giá tăng NVL khi đánh giá lại

Có 621,627: NVL xuất dùng không hết nhập lại kho.

#### **\* Kế toán tổng hợp giảm NVL**

+) Xuất kho NVL dùng cho các bộ phận

Nợ TK 621: Trị giá NVL xuất cho chế biến sản phẩm

Nợ TK 627: Trị giá NVL xuất cho bộ phận sản xuất chung

Nợ TK 641: Trị giá NVL xuất cho bộ phận bán hàng

Nợ TK 642: Trị giá NVL xuất cho QLDN

Có TK 152: Trị giá NVL xuất kho

+) Xuất kho NVL góp vốn liên doanh:

Nợ TK 128, 222: Giá trị vốn góp

Nợ TK 811: Phần chênh lệch giảm giá

Có TK 152: Giá thực tế xuất kho

Có TK 711: Chênh lệch tăng giá

+) Xuất kho NVL để bán:

- Phản ánh giá vốn:

Nợ TK 632

Có TK 152

- Phản ánh doanh thu:

Nợ TK 111, 112, 331: Số tiền thực thu

Có TK 511: Doanh thu

Có TK 3331: Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

+) Các trường hợp giảm NVL khác:

Nợ TK 154: Xuất cho gia công chế biến

Nợ TK 411: Trả lại vốn góp liên doanh

Nợ TK 412: Đánh giá giảm NVL

Có TK 152: Giá trị NVL giảm

#### ***1.2.5.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KKĐK, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.***

##### ***\* Đặc điểm***

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên, liên tục về tình hình biến động của các loại vật tư, sản phẩm, hàng hóa trên các tài khoản phản ánh hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn đầu kỳ và cuối kỳ trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ.

Việc xác định giá trị NVL xuất dùng trên các TK kế toán tổng hợp không căn cứ vào chứng từ xuất kho mà căn cứ vào giá trị thực tế NVL tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ. Bởi vậy trên tài khoản không thể hiện rõ giá trị NVL xuất dùng cho từng đối tượng hay nhu cầu khác nhau. Giá trị NVL nhập kho, xuất kho được theo dõi trên TK 611 "Mua hàng".

Độ chính xác của phương pháp kiểm kê định kỳ không cao, mặc dù tiết kiệm được công sức ghi chép. Vì thế phương pháp KKĐK chỉ thích hợp với các đơn vị kinh doanh những loại vật tư hàng hóa có giá trị thấp.

***\*Tài khoản kế toán chủ yếu sử dụng :***

Để hạch toán NVL kế toán sử dụng các tài khoản sau để hạch toán:

- *Tài khoản 152: Nguyên vật liệu.*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị thực tế NVL tồn kho chi tiết cho từng loại.

*Bên Nợ:* Phản ánh giá thực tế NVL tồn kho cuối kỳ

*Bên Có:* Kết chuyển giá trị NVL thực tế tồn kho đầu kỳ sang TK 611

*Số dư Nợ* (đầu kỳ hoặc cuối kỳ): Phản ánh giá trị NVL tồn kho.

Tài khoản 152 có thể mở thành các tài khoản cấp 2:

TK 1521: NVL chính

TK 1522: Vật liệu phụ

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng thay thế

TK 1525: Vật tư, thiết bị xây dựng cơ bản

TK 1528: Vật liệu khác.

- *Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường.*

Tài khoản này dùng để theo dõi các loại NVL, CCDC, hàng hoá mà Doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho (kể cả số gửi ở kho người khác).

*Bên Nợ:* Phản ánh giá trị hàng đang đi đường cuối kỳ.

*Bên Có:* Kết chuyển giá trị thực tế hàng đang đi đường đầu kỳ.

*Số dư Nợ:* Phản ánh giá thực tế hàng đi đường

Khác với phương pháp KKTĐ, đối với doanh nghiệp áp dụng kế toán theo phương pháp KKĐK thì hai TK 151, 152 không thể theo dõi tình hình nhập xuất trong kỳ mà chỉ dùng để kết chuyển giá trị thực tế vật liệu và hàng mua đang đi đường tại đầu kỳ, cuối kỳ vào TK 611 “Mua hàng”.

- *Tài khoản 611: Mua hàng*

TK này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật tư, hàng hóa mua vào, xuất trong kỳ.

*Bên Nợ:* Phản ánh trị giá thực tế NVL, CCDC tồn đầu kỳ, mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại.

*Bên Có:* Phản ánh trị giá thực tế NVL, CCDC xuất dùng, xuất bán, thiếu hụt trong kỳ và tồn cuối kỳ

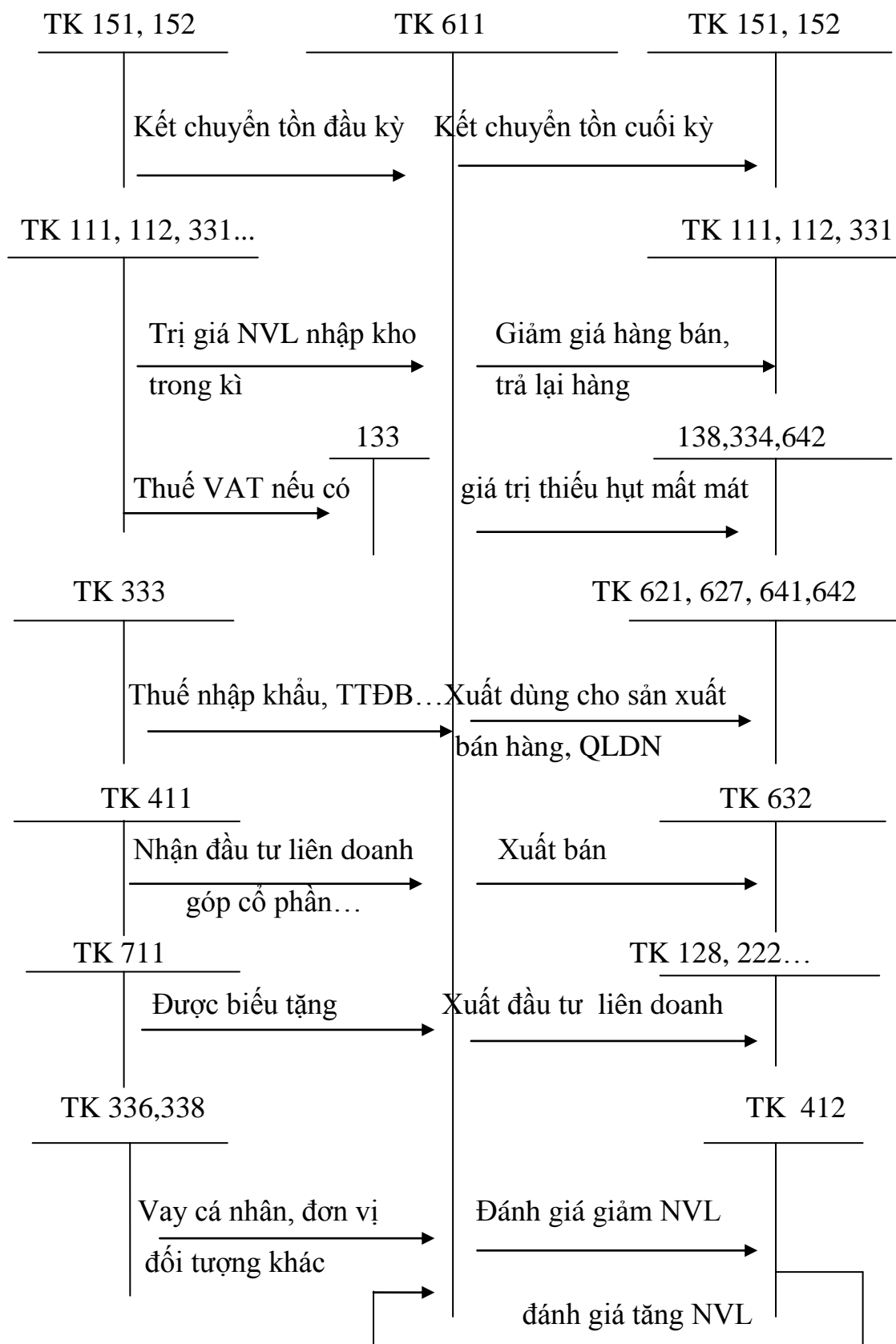
TK 611 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành hai TK cấp 2:

TK 6111: Mua nguyên liệu, vật liệu

TK 6112: Mua hàng hóa

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK 133, 331, 111, 112, ....

**Sơ đồ 05: Sơ đồ kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.**



**Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK.**

\* Đầu kỳ hạch toán, kế toán tiến hành kết chuyển NVL tồn kho và NVL đang đi đường:

Nợ TK 611: Mua hàng  
Có TK 151, 152

\* Giá thực tế của NVL mua vào trong kỳ, căn cứ vào hóa đơn và chứng từ liên quan kế toán ghi:

Nợ TK 611: Mua hàng  
Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ  
Có TK 111, 112, 311, 331...: Theo giá thanh toán

\* Phản ánh chiết khấu thương mại, giảm giá được hưởng hoặc trả lại cho nhà cung cấp:

Nợ TK 111, 112, 331...: Tính trên cơ sở giá thanh toán  
Có TK 133: Giảm thuế được khấu trừ  
Có TK 611: Mua hàng

\* NVL tặng do nhận biếu tặng, nhận đầu tư liên doanh, góp cổ phần:

Nợ TK 611  
Có TK 711, 411...

\* Vay NVL cá nhân, vay các đơn vị các đối tượng khác:

Nợ TK 611: Mua hàng  
Có TK 336, 338

\* Cuối kỳ căn cứ vào kết quả kiểm kê NVL tồn kho và đang đi đường, kế toán tính giá và ghi:

Nợ TK 151, 152  
Có TK 611: Mua hàng

\* Sau khi đã ghi đầy đủ các bút toán trên, kế toán tính ra giá thực tế của NVL đã sử dụng trong kỳ:

Nợ TK 621, 627, 641, 642, 632..  
Có TK 611: Mua hàng



\* Khi kiểm kê phát hiện NVL hư hỏng, mất mát căn cứ vào biên bản kiểm kê và biên bản xử lý (nếu có) kế toán phản ánh:

Nợ TK 1381: Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK 152: Giá trị NVL thiếu

Khi có biên bản xử lý về NVL mất mát, hư hỏng:

Nợ TK 111, 112, 334...: Phần được bồi thường

Nợ TK 632: Phần thiệt hại mà doanh nghiệp phải chịu

Có TK 1381: Giá trị tài sản thiếu được xử lý.

\* Khi kiểm kê phát hiện NVL thừa so với sổ sách:

Nợ TK 152: Giá trị NVL thừa

Có TK 632: Thừa ngoài định mức

Có TK 3381: Thừa không rõ nguyên nhân

Khi xác định được nguyên nhân:

Nợ TK 3381

Có TK 3388: Phải trả khác

Nếu không tìm được nguyên nhân:

Nợ TK 3381

Có TK 632

\* Hạch toán đánh giá lại NVL:

Nếu chênh lệch tăng NVL, kế toán ghi:

Nợ TK 611: phần chênh lệch đánh giá tăng NVL

Có TK 412

Nếu chênh lệch giảm NVL, kế toán ghi:

Nợ TK 412: phần chênh lệch đánh giá giảm NVL

Có TK 611

### ***1.2.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.***

#### ***1.2.6.1. Mục đích của việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:***

Giúp cho doanh nghiệp có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm bảo toàn vốn kinh doanh cho doanh nghiệp.

Đảm bảo cho doanh nghiệp phản ánh giá trị vật tư không cao hơn giá trên thị trường (hay giá trị thuần có thể thực hiện được) tại thời điểm lập báo cáo.

#### ***1.2.6.2. Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:***

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

+ Cuối kì kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng

+ Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy thu nhập được tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phân tích đến sự biến động của giá cả..... trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có ở thời điểm ước tính.

+ Ngoài ra, khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc. Nếu sản phẩm do chúng góp phần tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho được đánh giá giảm xuống với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Mức dự phòng cần lập được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{cần lập năm} \\ \text{N+1} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng vật tư} \\ \text{tồn kho ngày} \\ \text{31/12/N} \end{array} \times \left[ \begin{array}{l} \text{Giá gốc vật} \\ \text{tư theo sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của vật tư} \end{array} \right]$$

### 1.2.6.3. Phương pháp hạch toán:

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159- “*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Tài khoản 159 “*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*” có kết cấu như sau: -

- Bên nợ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập khi giảm giá vốn hàng bán trong kì.
- Bên có: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kì.
- Số dư cuối kì bên có: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kì.

Theo thông tư số 89 về hướng dẫn thực hiện bốn chuẩn mực kế toán vào cuối kì kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kì kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kì kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm, ghi:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK159: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kì kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kì kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK159: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

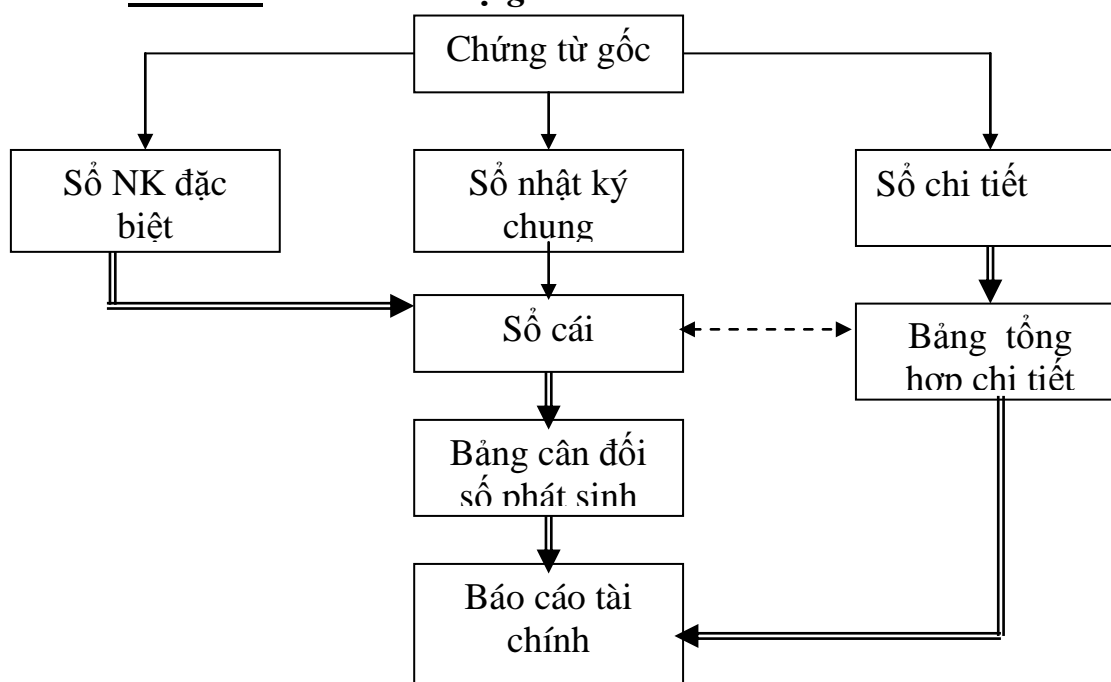
### **1.2.7. Hệ thống sổ kế toán sử dụng.**

Trên thực tế hiện nay, các DN có thể áp dụng ghi sổ kế toán theo một trong bốn hình thức kế toán mà bộ tài chính ban hành sau:

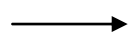
- Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.
- Hình thức sổ kế toán Nhật ký sổ cái.
- Hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ.

#### **1.2.7.1. Hình thức sổ kế toán nhật ký chung ( NKC).**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán NKC lần tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy các số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

**Sơ đồ 06: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức NKC.**

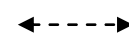
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, trước hết ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung sau đó căn cứ vào sổ NKC để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị mở sổ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi vào NKC, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ chi tiết liên quan.

- Nếu đơn vị mở các sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ chứng từ gốc, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký đặc biệt liên quan đến định kỳ 3,5,10 ngày hoặc cuối tháng tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh. Từ nhật ký đặc biệt ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng đối chiếu số phát sinh.

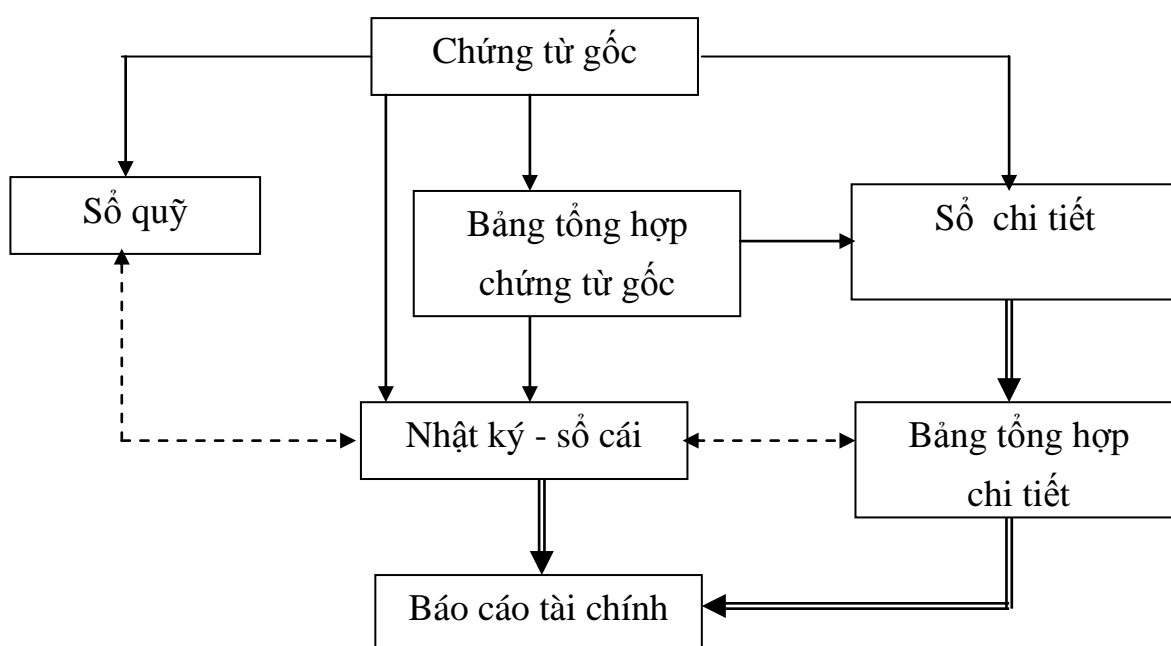
Sau khi kiểm tra đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

### 1.2.7.2. Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký sổ cái là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là nhật ký- sổ cái.

Căn cứ để ghi vào các sổ nhật ký, sổ cái là các chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc.

#### Sơ đồ 07: Sơ đồ trình tự kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----→ Đối chiếu kiểm tra

### 1.2.7.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ (CTGS).

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ là có căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ” việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm.

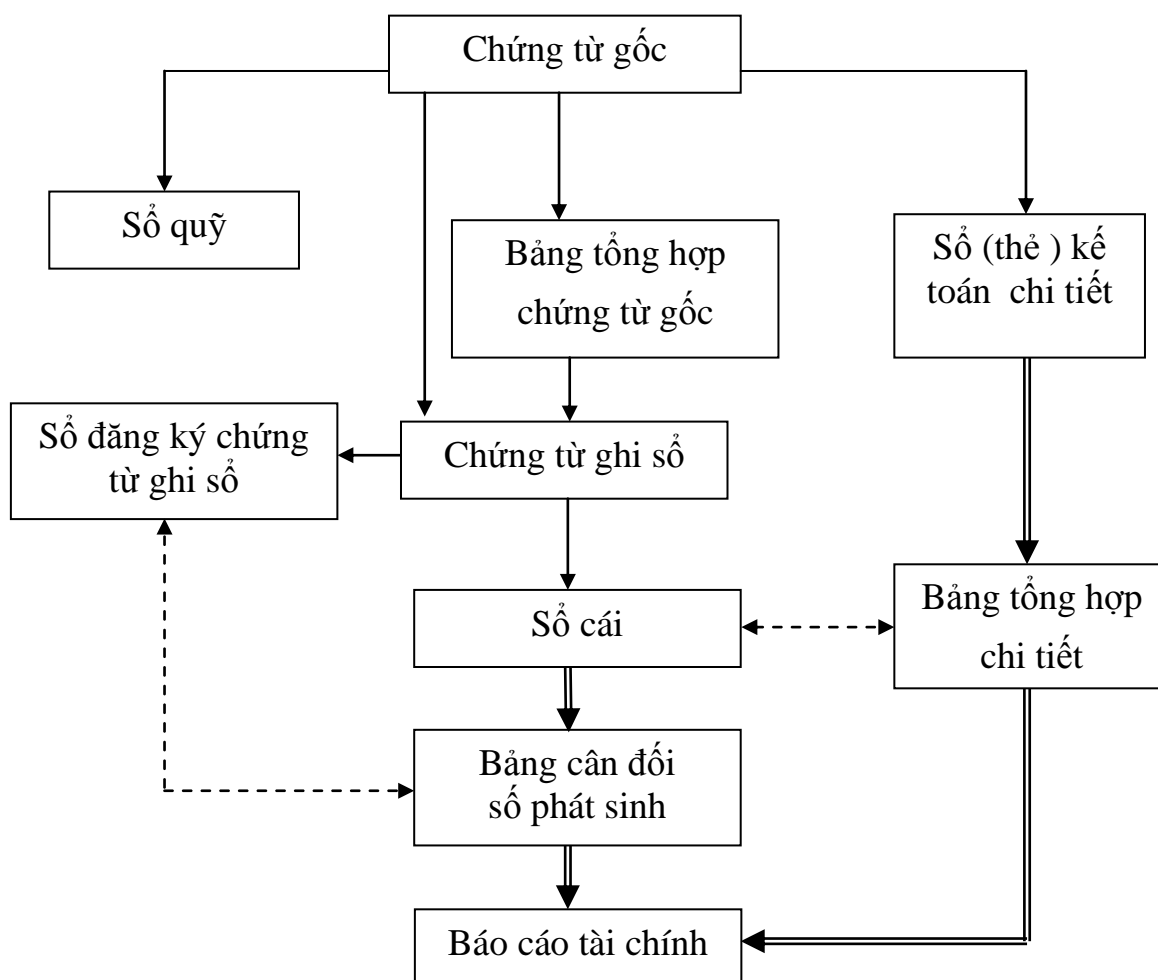
- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

+ Ghi theo trình tự nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán tổng hợp lập trên cơ sở từng chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số liệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm ( theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ gốc đính kèm theo phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

**Sơ đồ 08: Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----→ Đối chiếu kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để vào sổ đăng ký chứng

từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ gốc sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào các sổ (thẻ) kế toán chi tiết.

- Cuối tháng phải khoá sổ, tính số phát sinh bên nợ, bên có và số dư của các TK trên sổ cái để từ đó lập bảng cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

#### ***1.2.7.4. Hình thức kế toán nhật ký chứng từ.***

- Các nguyên tắc cơ bản.

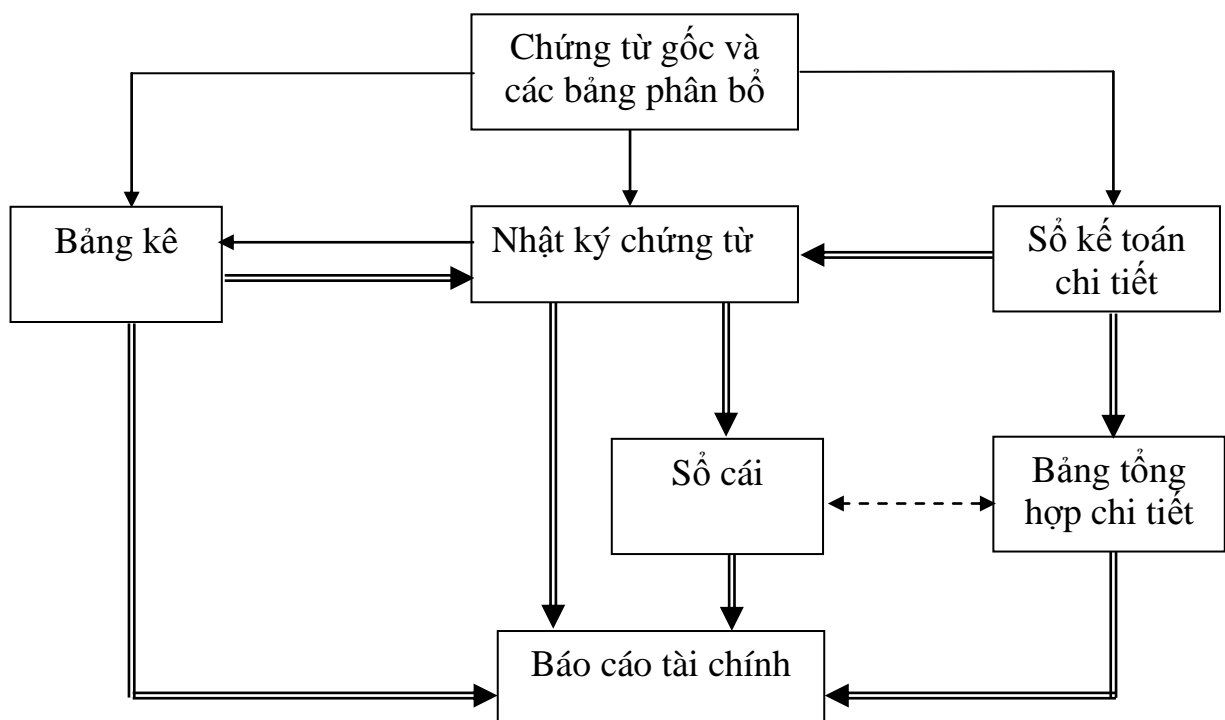
+ Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bên có của các TK kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

+ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian về việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

+ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết.

+ Sử dụng các mẫu sổ in sẵn, các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính.

#### ***Sơ đồ 09: Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký chứng từ.***





**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc ghi trực tiếp vào các nhật ký chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Cuối tháng đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các nhật ký chứng từ ghi trực tiếp vào sổ cái.

Số liệu tổng cộng trong sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong nhật ký chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

**CHƯƠNG II**  
**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**HÓA CHẤT BÌNH MINH.**

**2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần hóa chất Bình Minh.**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

**2.1.1.1. Quá trình hình thành:**

Xuất phát từ việc giảm giá thành sản xuất bao bì của Công ty bao bì PP, đặc biệt là sản phẩm hạt nhựa phụ gia dùng trong sản xuất bao bì, các cổ đông của Công ty bao bì PP đã cùng góp vốn, thành lập Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh. Ngày 21/12/2004, công ty cổ phần hóa chất Bình Minh chính thức ra đời, theo giấy phép kinh doanh số 0200608229 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng, với vốn điều lệ ban đầu là 2,4 tỉ.

Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh là một công ty hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Ban đầu, công ty sản xuất sản phẩm hạt nhựa phụ gia chỉ phục vụ cho việc sản xuất bao bì nội bộ cho Công ty cổ phần bao bì PP. Sau đó, nhận thấy tình hình thị trường khả quan, công ty đã tách ra và kí kết hợp đồng với các công ty sản xuất bao bì trên toàn quốc.

**2.1.1.2. Sự phát triển:**

- Ngày đăng kí kinh doanh lần đầu: 21/12/2004, vốn điều lệ 2,4 tỉ đồng
- Đăng kí lại lần 1: ngày 22/12/2006, vốn điều lệ là 3,24 tỉ đồng
- Đăng kí lại lần 2: 06/11/2009 với vốn điều lệ là 6,2 tỉ đồng
- Đăng kí lại lần 3: 22/12/2011 với vốn điều lệ là 6,2 tỉ đồng, trong đó thay đổi một số ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Tên giao dịch: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Tên viết tắt : BMC

Tên Tiếng Anh: Binh Minh Chemical Joint Stock Company

Người đại diện: Vũ Khắc Bút

Mã số thuế: 0200608229

Số điện thoại: 0312.241 739

Fax: 0313. 835424

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu - Lê Chân - Hải Phòng

Trải qua hơn 8 năm hình thành và phát triển, công ty cổ phần hóa chất Bình Minh đang ngày càng lớn mạnh, không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như khai thác hết tiềm năng sẵn có của mình. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được kết quả nhất định và góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế của toàn thành phố nói riêng và toàn Việt Nam nói chung.

### ***2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ của công ty cổ phần hóa chất Bình Minh***

#### ***2.1.2.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh:***

Mục tiêu chính của công ty là sản xuất và cung cấp hạt nhựa phụ gia phục vụ công nghiệp sản xuất bao bì cho các công ty sản xuất bao bì trên toàn quốc. Ngoài ra, công ty còn một số ngành nghề kinh doanh khác, như cho thuê kho bãi, nhà xưởng, kinh doanh vận tải...

#### ***2.1.2.2. Quy trình công nghệ:***

Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh sử dụng công nghệ kéo sợi Strand-cut. Hệ thống hạt kéo sợi của công ty bao gồm những thiết bị như sau:

1. Máy trộn cao tốc
2. Khuôn tạo sợi gắn với thiết bị đùn.
3. Máng hay thùng nước làm nguội đủ dài (khoảng 7,3m) để sợi nhựa được làm nguội và đông cứng, sử dụng vòi phun hay luồng khí thổi trực tiếp lên sợi nhựa để lấy đi phần nước còn bám vào sợi nhựa khi chúng được kéo ra khỏi thùng nước làm nguội.
4. Bộ dao cắt gồm một rôto gắn những lưỡi dao có thể thay thế và một dao cố định để cắt sợi nhựa thành những hạt nhỏ hình trụ.
5. Máy sàng tách hạt để vận chuyển và tách những hạt nhựa vừa hoặc những hạt quá to trước khi đóng bao.

Hệ thống kéo sợi trên được bố trí theo phương thẳng hàng với các thiết bị nối tiếp nhau, bề ngang khoảng 0.7 đến 1m, và chiều dài 10.7m.

Nguyên vật liệu đầu vào được pha trộn với một tỉ lệ nhất định rồi được đưa vào máy trộn cao tốc. Sau khoảng thời gian quy định, hỗn hợp trên được đưa vào một máy đùn ở nhiệt độ cao cho hóa lỏng thành nhựa. Nhựa được đùn qua một chuỗi những lỗ tròn bố trí xếp thành hàng ngang trên khuôn tạo sợi để định dạng sợi nhựa tròn. Những sợi này được kéo liên tục qua thùng nước làm nguội, tại đây sợi nhựa sẽ đông cứng lại. Khi ra khỏi máng nước làm nguội, nước còn dính lại trên sợi nhựa được lấy đi bằng cách dùng khí thổi mạnh vào sợi nhựa hay sử dụng máy hút chân không để tránh nước văng ra khu vực xung quanh máy. Sau khi làm khô, sợi nhựa được kéo qua dao cắt liên tục gọi là máy cắt sợi, nhựa được cắt thành hạt hình trụ ngắn và sau đó thoát ra cửa xả của máy cắt và rơi vào máy sàng tách hạt để tách những hạt nhựa vừa hoặc những hạt quá to trước khi đóng bao.

### ***2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động***

#### ***2.1.3.1. Thuận lợi:***

- Những ngày đầu thành lập, công ty được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ từ công ty Cổ phần bao bì PP. Sự quan tâm giúp sức đó là nền tảng giúp công ty sản xuất ổn định từ những bước đầu thành lập, và phát triển một cách thuận lợi.

- Về bộ máy quản lý: công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo, đặc biệt ban lãnh đạo của công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của công nhân viên.

- Về lực lượng lao động: công ty có lực lượng lao động lành nghề, khả năng tiếp thu nhanh công nghệ mới, đáp ứng được yêu cầu của công ty trong quá trình sản xuất.

- Về công nghệ sản xuất: công ty đầu tư dây chuyền công nghệ tiên tiến, hiện đại, các máy móc thiết bị dùng cho sản xuất chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài với chất lượng tốt, do đó hiệu quả sản xuất đạt được

tương đối cao so với kế hoạch đã đặt ra. Ngoài ra, các nguyên vật liệu dùng cho sản xuất chủ yếu được nhập khẩu, do vậy luôn được đảm bảo về chất lượng, mẫu mã...

- Về mặt thị trường tiêu thụ: hiện nay trên thị trường, sản phẩm hạt nhựa phụ gia dùng cho công nghiệp sản xuất bao bì chủ yếu là được nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, việc công ty có khả năng sản xuất và đáp ứng nhu cầu về sản phẩm hạt nhựa phụ gia của các khách hàng trong nước là một thuận lợi vô cùng lớn đối với công ty nói riêng và đối với ngành công nghiệp sản xuất bao bì nói chung. Do đó, đây được coi là một thế mạnh của công ty trong giai đoạn hiện nay.

- Bên cạnh đó, công ty có xưởng sản xuất được đặt trên địa bàn giao thông thuận lợi, dễ dàng vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị cũng như thành phẩm xuất bán, góp phần không nhỏ trong quá trình sản xuất, quản lý, phân phối và tiêu thụ sản phẩm của công ty.

#### **2.1.3.2. Khó khăn:**

- Về nguồn nguyên vật liệu: do tính chất của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài, nên giá thành tương đối biến động, phụ thuộc vào cung cầu, và hoạt động đầu cơ của các tổ chức trên thế giới.

- Khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 7, tình trạng cúp điện xảy ra thường xuyên, do đó công ty phải chạy máy phát điện bằng dầu Diesel, làm tăng chi phí sản xuất cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất giao hàng, làm suy giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

- Do đặc thù là ngành công nghiệp sản xuất các loại phụ gia từ hóa chất, do đó các rác thải nhiễm một số hóa chất độc hại là không thể tránh khỏi. Để khắc phục những nhược điểm trên, công ty đã ký hợp đồng với những đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý đúng nơi quy định.

#### **2.1.4. Những thành tích cơ bản mà công ty đã đạt được trong những năm qua.**

Công ty có mức tăng trưởng năm 2011 khá cao so với thực hiện năm 2010. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của công ty năm sau luôn cao hơn năm trước. Sau đây là bảng báo cáo kết quả kinh doanh ngắn gọn của công ty qua các năm:

**Biểu 01:**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>
1	Doanh thu	37.772.121.683	39.790.173.721	44.899.770.786
2	Lợi nhuận sau thuế	702.387.376	729.237.464	742.348.986
3	Mức lương cơ bản bình quân	3.024.587	3.167.800	3.362.338
4	Nộp ngân sách Nhà nước	65.938.387	78.476.298	81.675.873

Nhìn vào bảng trên, ta thấy doanh thu và lợi nhuận sau thuế của công ty tăng trưởng đều hàng năm, mức lương cơ bản của công nhân viên cũng được tăng dần theo năm. Công ty đã đóng góp một khoản không nhỏ vào Ngân sách Nhà nước hàng năm.

Để đạt được mức tăng trưởng và sản lượng như trên là do ban lãnh đạo công ty bám sát tình hình sản xuất kinh doanh, và chỉ đạo kịp thời, đặc biệt là có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận trong công ty, do đó sản xuất được mở rộng, dịch vụ vận chuyển được chú ý, để duy trì nâng cao sản xuất.

#### **2.1.5. Mô hình tổ chức công ty cổ phần hóa chất Bình Minh**

Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm: bộ phận quản lý và các bộ phận sản xuất.

#### **2.1.5.1. Bộ phận quản lý:**

Gồm Ban giám đốc, phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Kinh doanh – Thị trường, phòng Kế toán - Tài chính, phòng Kỹ thuật Công nghệ đầu tư, phòng Kế hoạch vật tư.

- *Ban giám đốc* : chịu trách nhiệm trước Nhà nước về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, điều hành sản xuất kinh doanh. Đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả trong từng thời kỳ phù hợp với công việc chung.

- *Phòng Tổ chức - Hành chính*: Có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong Công ty, quản lý nhân sự, thực hiện công tác hành chính quản trị. Thực hiện chế độ quản lý tài sản chung của toàn xí nghiệp bao gồm đất đai trụ sở làm việc, nhà xưởng sản xuất, trang thiết bị văn phòng, điện nước... phục vụ sản xuất và công tác điều hành. Thực hiện pháp luật của Nhà nước về quản lý và sử dụng con dấu, cấp phát giấy giới thiệu theo quy định

- *Phòng Kinh doanh - Thị trường* : Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất. Bộ phận thị trường có nhiệm vụ nắm bắt nhu cầu thị trường,

- *Phòng Kế toán - Tài chính*: Có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.

- *Phòng Kỹ thuật Công nghệ*: Có chức năng chỉ đạo khâu kỹ thuật, vật tư đảm bảo sản xuất kinh doanh trong công ty, hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ mới, nâng cấp hoặc thay thế máy móc thiết bị hiện đại có tính kinh tế cao, tham gia giám sát các hoạt động đầu tư về máy móc, thiết bị của Công ty và các công trình đầu tư xây dựng cơ bản.

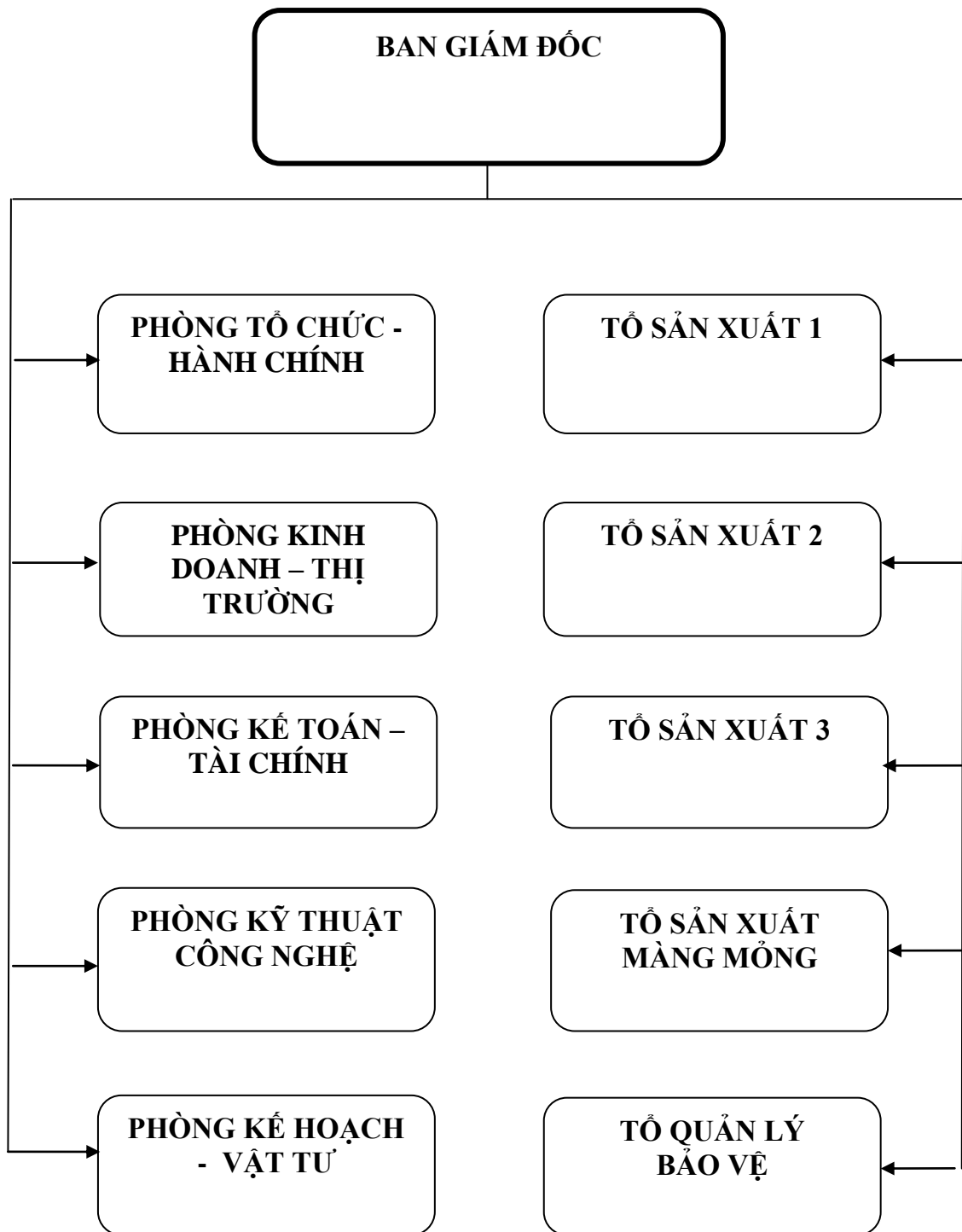
- *Phòng Kế hoạch vật tư*: Lập kế hoạch sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, theo dõi các mã hàng, làm các thủ tục xuất hàng, vận chuyển hàng hoá, quản lý các kho tàng của Công ty, tham mưu cho giám đốc lo đủ công ăn việc làm và đời sống của người lao động, lập kế hoạch nâng cao năng suất lao động, năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và tăng thu nhập cho người lao động.

**2.1.5.2. Bộ phận sản xuất:**

- Tổ SX1 : sản xuất hạt nhựa phụ gia Bicoat
- Tổ SX2 : sản xuất hạt nhựa phụ gia Hotmelt
- Tổ SX3: sản xuất hạt nhựa phụ gia Bical (PP & PE)
- Tổ SX màng mỏng: sản xuất túi nhựa màng mỏng HDPE & LLDPE
- Tổ quản lý phân xưởng, bảo vệ:



**Sơ đồ 10: Sơ đồ tổ chức các bộ phận trong công ty**



### **2.1.6. Đặc điểm của tổ chức bộ máy kế toán của công ty**

Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh tổ chức mô hình kế toán theo hình thức tập trung. Với hình thức này toàn bộ công việc kế toán trong công ty đều được tiến hành tại phòng kế toán của công ty. Từ thu thập và kiểm tra chứng từ, ghi sổ kế toán, lập các báo cáo tài chính, các bộ phận trong công ty chỉ lập chứng từ phát sinh gửi về phòng kế toán của công ty. Do đó đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất đối với công tác chuyên môn, kiểm tra xử lý các thông tin kế toán được kịp thời, chặt chẽ, thuận tiện cho việc phân công lao động và chuyên môn hóa, nâng cao năng suất lao động.

Hiện nay phòng kế toán của công ty bao gồm 4 người. Một kế toán trưởng, hai kế toán viên và một thủ quỹ. Khối lượng công việc của công ty rất nhiều, mỗi người đều đảm nhiệm công việc nặng nề, do đó đòi hỏi phải có sự cố gắng và tinh thần trách nhiệm cao.

Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận trong phòng kế toán như sau:

#### ***Kế toán trưởng:***

- + Tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty.
- + Kí duyệt các hóa đơn chứng từ, các giấy tờ cần thiết có liên quan.
- + Trực tiếp báo cáo các thông tin kinh tế với Nhà Nước, giám đốc và các cơ quan kinh tế khi có yêu cầu.
- + Theo dõi TSCĐ, tình hình tăng giảm, tình hình sử dụng các TSCĐ của công ty như ô tô, máy móc, nhà xưởng...

#### ***Kế toán tiền lương, hàng tồn kho:***

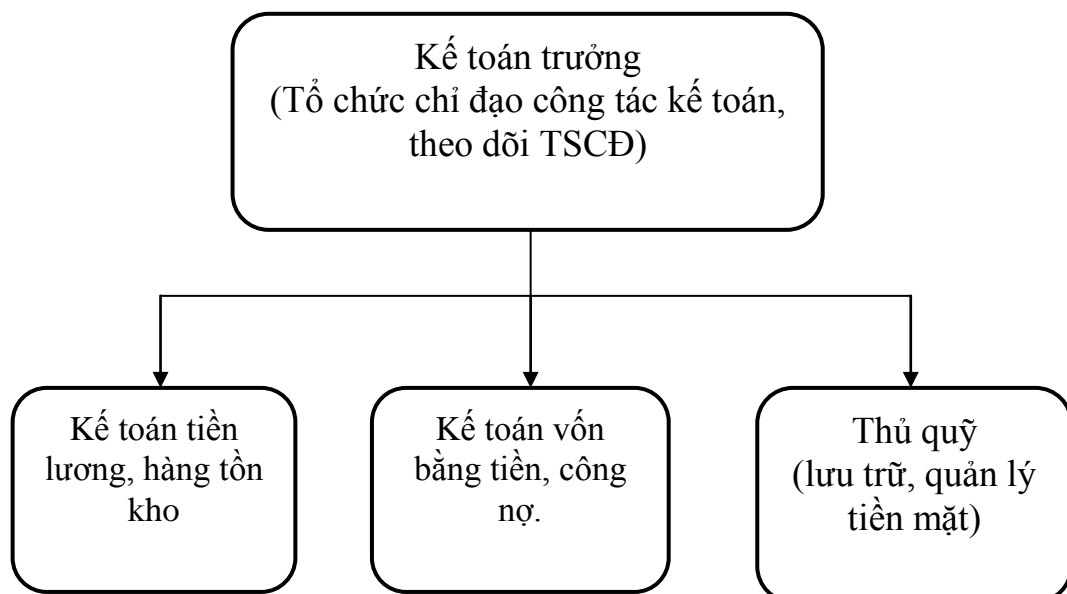
- + Theo dõi tính toán và hạch toán tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, các khoản khấu trừ vào lương, các khoản thu nhập, trợ cấp cho cán bộ, công nhân viên trong công ty tổng hợp số liệu, lập bảng tổng hợp thanh toán lương của công ty, lập bảng phân bổ lương.
- + Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kho thành phẩm... cuối tháng tổng hợp số liệu theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn, nộp báo cáo cho bộ phận tính giá thành, kiểm kê lại kho vật tư, đối chiếu với sổ kế toán.

**Kế toán vốn bằng tiền, công nợ:**

- + Theo dõi hạch toán vốn bằng tiền, nguồn vốn và các quỹ, theo dõi chi phí và các khoản công nợ, thanh toán và phân phối lợi nhuận.
- + Xác định chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.
- + Theo dõi tình hình tiêu thụ, tổng hợp chi phí, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh, lập các báo cáo tài chính, tổng hợp các quyết toán...

**Thủ quỹ:** (Thủ quỹ không phải là người nhà của giám đốc.)

- + Là người phụ trách việc thu chi và quản lý quỹ tại công ty
- + Phải tuyệt đối đảm bảo nguyên tắc thu, chi tiền trong kết quỹ theo chế độ hiện hành, đảm bảo tính cân đối giữa tiền tồn trong kết với số dư trên sổ sách có liên quan
- + Hàng tháng vào sổ quỹ, lên các báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế trong kết phải khớp với số dư trên báo cáo quỹ.
- + Có trách nhiệm bồi thường khi để xảy ra thất thoát tiền mặt do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý tiền mặt.

**Sơ đồ 11: Phòng kế toán của công ty**

### **2.1.7. Chế độ kế toán, hình thức kế toán, hệ thống sổ sách công ty sử dụng:**

#### **2.1.7.1. Chế độ kế toán áp dụng:**

- Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng: chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: vật tư mua ngoài được đánh giá theo giá thực tế bao gồm: giá mua + chi phí bốc xếp, vận chuyển + thuế nhập khẩu – các khoản giảm trừ. Đối với thành phẩm được đánh giá theo giá thành sản xuất, bao gồm: chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí SXC. Sản phẩm dở dang đánh giá theo chi phí NVLTT.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền cả kì dự trữ.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, theo quyết định số 206/QĐ-BTC do bộ tài chính ban hành ngày 12/12/2003
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.

#### **2.1.7.2. Hình thức kế toán:**

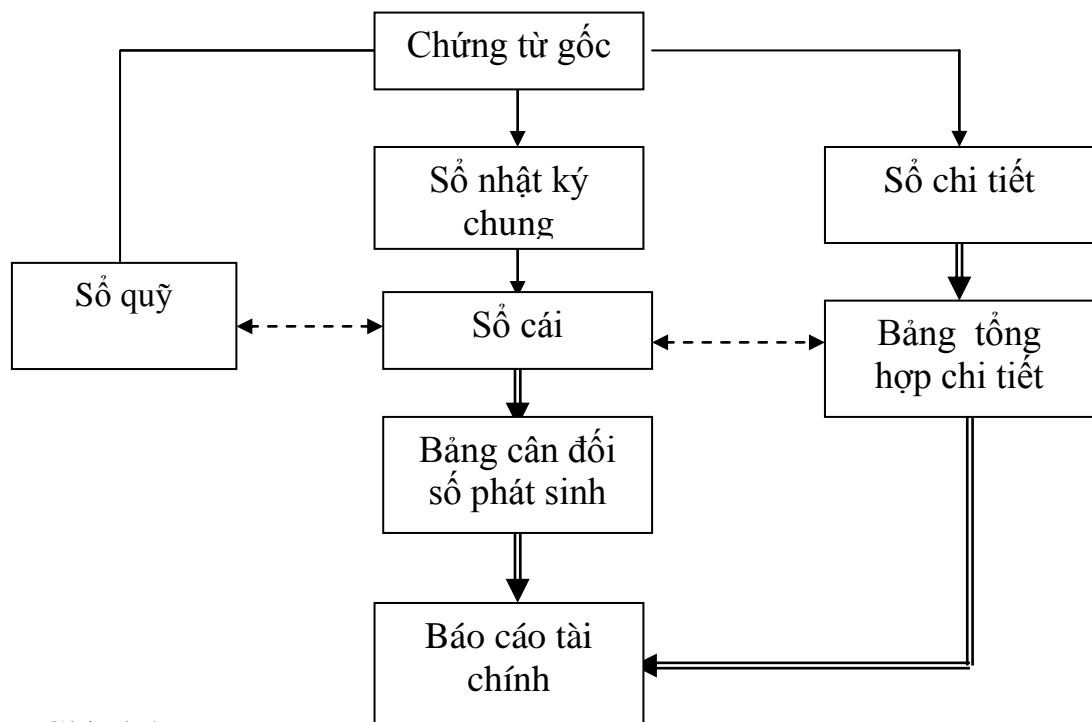
Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái các tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, lập bảng cân đối tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết và báo cáo kế toán.

#### **2.1.7.3. Hệ thống sổ sách mà công ty sử dụng gồm:**

- Sổ kế toán tổng hợp bao gồm: Sổ Nhật ký chung, sổ quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, sổ Cái các tài khoản.
- Sổ kế toán chi tiết bao gồm: sổ chi tiết tiền mặt, tiền gửi, tiền vay, Sổ chi tiết TSCĐ, sổ chi tiết vật liệu, thẻ tính giá thành, thẻ kho, sổ chi tiết phải thu khách hàng, sổ chi tiết phải trả người bán.

**Sơ đồ 12: Trình tự ghi sổ kế toán của công ty**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:
- ←- - - -> Kiểm tra đối chiếu:

Trình tự ghi sổ kế toán như sau:

1. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung. Căn cứ số liệu ghi trên sổ nhật ký chung, kế toán phản ánh các số liệu đó vào sổ Cái các tài khoản có liên quan.
2. Đồng thời ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ chi tiết các tài khoản và các sổ quỹ.

3. Cuối tháng tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập Bảng tổng hợp chi tiết
4. Tại thời điểm cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ Cái, đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết, lập bảng cân đối số phát sinh.
5. Tiến hành đối chiếu, khớp với số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết, số liệu trên sổ quỹ và sổ Cái.
6. Cuối kì kế toán dựa vào Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

## ***2.2. Thực trạng về tổ chức công tác kế toán NVL ở công ty cổ phần hóa chất Bình Minh***

### ***2.2.1. Đặc điểm NVL của công ty***

Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh là một đơn vị sản xuất, chuyên sản xuất hạt nhựa phụ gia dùng cho công nghiệp sản xuất bao bì, do vậy nhu cầu về NVL là rất lớn. Sản phẩm của công ty sản xuất ra cũng rất đa dạng, nhiều chủng loại nên NVL cung cấp cho quá trình sản xuất cũng rất đa dạng và phong phú.

Xét về mặt chi phí thì NVL chiếm 70%-80% giá thành sản phẩm và toàn bộ chi phí sản xuất, NVL chính chiếm tỷ trọng cao. Do đó chỉ cần một sự biến động nhỏ chi phí về NVL chính cũng làm cho giá thành sản phẩm biến động lớn.

Những đặc điểm trên khiến công tác quản lý NVL của công ty có những nét riêng biệt. Công ty phải quản lý chặt chẽ NVL, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả nhất, đặc biệt là NVL chính để có thể giảm giá thành sản phẩm, góp phần tăng lợi nhuận.

### ***2.2.2. Phân loại nguyên vật liệu.***

Để tiến hành sản xuất sản phẩm công ty phải sử dụng nhiều loại vật liệu khác nhau với khối lượng vật liệu tương đối lớn, trong đó mỗi loại vật liệu có vai trò và công dụng khác nhau. Vì vậy để quản lý được chặt chẽ, hạch toán

chính xác tình hình nhập xuất vật liệu, tồn kho vật liệu đảm bảo cung cấp vật liệu một cách khoa học kịp thời cho sản xuất. Công ty đã tiến hành phân loại vật liệu như sau:

-Nguyên vật liệu chính: Bao gồm PVC, APP, nhựa HDPE, LLDPE... là những vật liệu chủ yếu cấu tạo nên thực thể của sản phẩm.

-Nguyên vật liệu phụ: Gồm axit béo, CaCO<sub>3</sub>, nhựa dẻo anpha.....

### 2.2.3.Đánh giá nguyên vật liệu

- Đối với NVL nhập kho: Để đáp ứng nhu cầu hạch toán hàng ngày và tăng cường việc kiểm tra của kế toán với tình hình thu mua sử dụng và dự trữ NVL của công ty, công ty đã thực hiện việc tính giá NVL theo giá thực tế vật liệu nhập kho. Vật tư của công ty chủ yếu do mua ngoài.

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL mua ngoài} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua} \\ \text{chưa} \\ \text{VATtrên} \\ \text{hoá đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{mua} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Thuế nhập} \\ \text{khẩu} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{giảm trừ} \end{array}$$

*Trích tình hình nhập kho NVL nhựa LP-1040P của công ty cổ phần hóa chất bình Minh trong tháng 12/2011 như sau:*

*Ngày 04/12/2011: mua nhựa LP-1040P theo HĐGTGT số 0035083 của Công ty cổ phần KDTH Nghệ An số lượng 4.660 kg, đơn giá chưa thuế VAT 10% là 11.200 đ/kg. Tổng tiền thanh toán là 57.411.200. Vậy trị giá thực tế của NVL nhập kho là: 4.660x11.200=52.192.000*

- Đối với NVL xuất kho: khi xuất vật liệu công ty áp dụng tính giá thực tế xuất kho theo phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ.

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế vật liệu} \\ \text{xuất dùng} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Số lượng vật liệu} \\ \text{xuất dùng} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{quân của nguyên} \\ \text{vật liệu} \end{array}$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

*Trích tình hình xuất kho NVL axit béo của công ty trong tháng 12/2011 như sau:*

*Ngày 31/12/2011: kế toán tổng hợp tình hình nhập- xuất- tồn của kho NVL axit béo như sau:*

*Tồn đầu kì: SL: 20kg, ĐG: 50.200đ/kg*

*- Ngày 01/12/2011 nhập kho: SL: 50kg, ĐG: 50.200 đ/kg*

*- Ngày 05/12/2011 nhập kho: SL: 120kg, ĐG: 50.200đ/kg*

*- Ngày 07/12/2011 xuất kho: SL: 80kg*

*- Ngày 08/12/2011 nhập kho: SL: 150kg, ĐG: 50.500đ/kg*

*- Ngày 20/12/2011 nhập kho: SL: 100kg, ĐG: 50.600đ/kg*

*- Ngày 23/12/2011 xuất kho: SL: 300kg*

$$\begin{aligned} \text{ĐGXK} &= \frac{20 \times 50.200 + 50 \times 50.200 + 120 \times 50.200 + 150 \times 50.500 + 100 \times 50.600}{20 + 50 + 120 + 150 + 100} \\ &= 22.173.000/440 \\ &= 50.393 \text{ (đ/kg)} \end{aligned}$$

*Trị giá xuất kho NVL trong tháng: 50.393 x 380 = 19.149.340 (đ)*

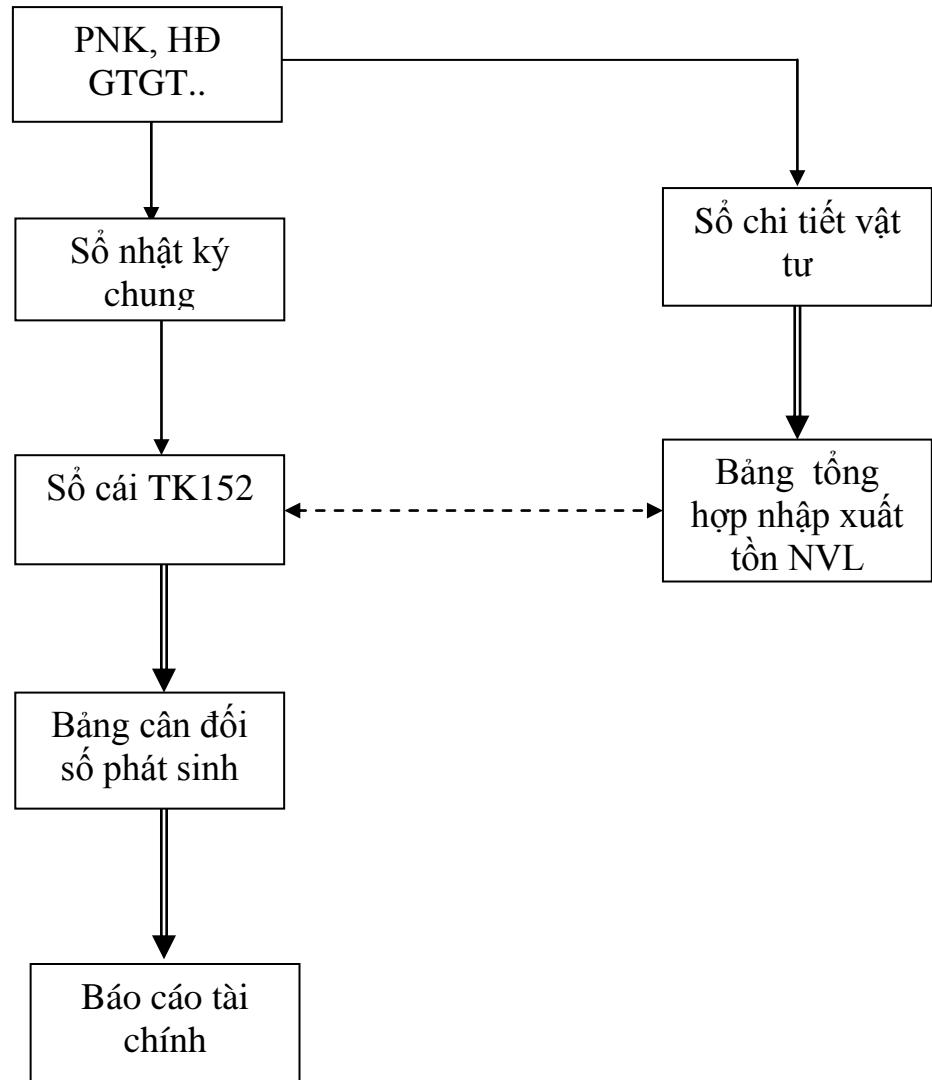
*Trị giá tồn cuối kì: 22.173.000 - 19.149.340 = 3.023.660 (đ)*

#### **2.2.4. Kế toán nguyên vật liệu:**

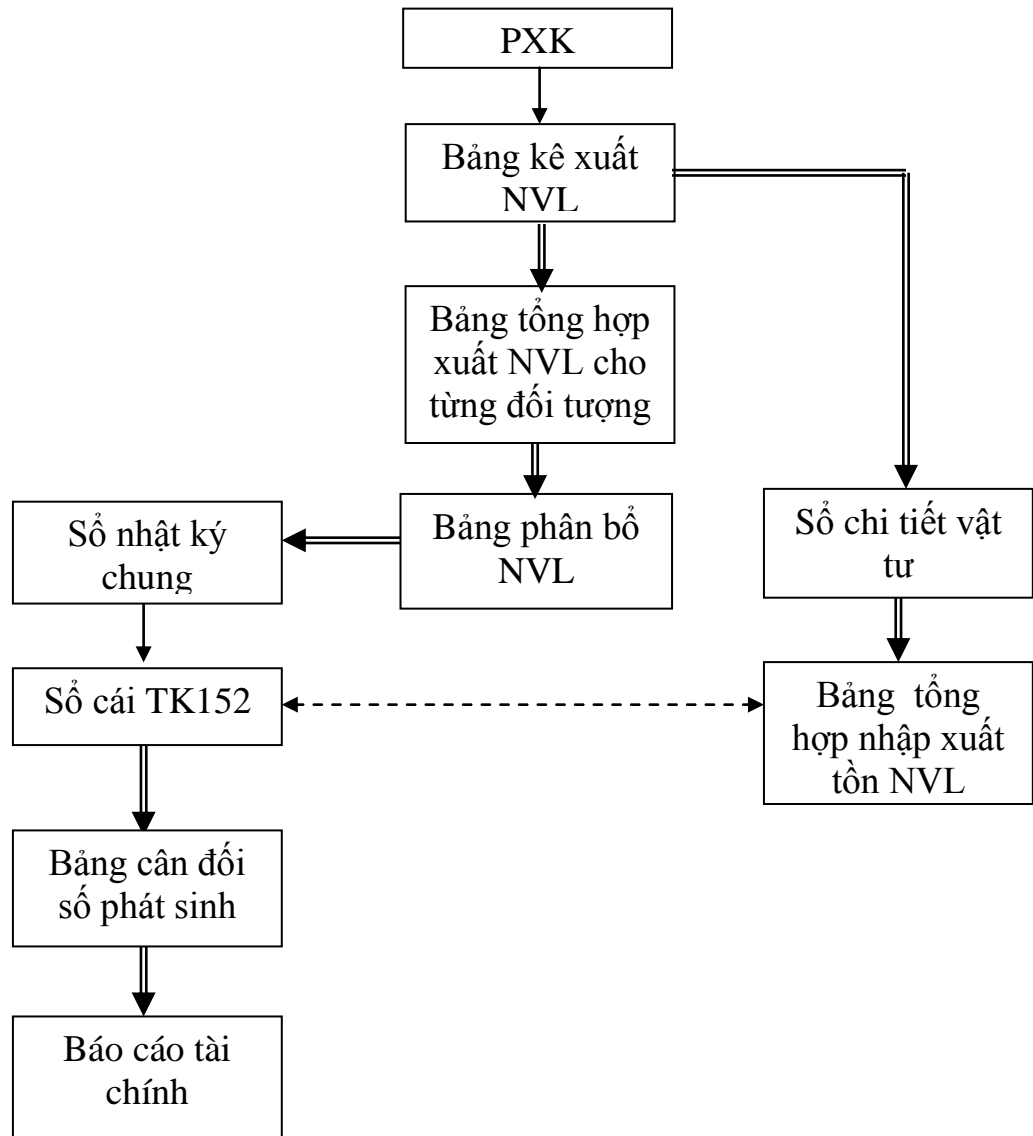
##### **2.2.4.1. Quy trình kế toán:**



**Sơ đồ 13: Trình tự ghi sổ kế toán các nghiệp vụ nhập kho NVL của công ty cổ phần hóa chất Bình Minh**



**Sơ đồ 14: Trình tự ghi sổ kế toán các nghiệp vụ xuất kho NVL của công ty cổ phần hóa chất Bình Minh**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:
- ←- - - -> Kiểm tra đối chiếu:

**2.2.4.2. Chứng từ, thủ tục nhập-xuất kho nguyên vật liệu:**

Công tác quản lý nguyên vật liệu đòi hỏi phải phản ánh theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu cả về số lượng, chất

lượng, chủng loại và giá trị thông qua việc tổ chức công tác kế toán chi tiết vật liệu.

Tất cả mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty liên quan đến việc nhập xuất vật liệu đều phải lập được các chứng từ kế toán đầy đủ, kịp thời, chính xác theo đúng chế độ ghi chép về vật liệu được nhà nước ban hành, đồng thời đảm bảo được những thủ tục đã được quy định.

#### **2.2.4.2.1. Chứng từ và thủ tục nhập kho:**

##### ***Chứng từ sử dụng:***

- + Hoá đơn GTGT mua NVL (mẫu số 01 GTKT-3LL)
- + Phiếu nhập kho (mẫu số 01-VT)
- + Biên bản kiểm nghiệm (mẫu số 03-VT)
- + Thẻ kho (mẫu số 06-VTBB)
- + Ngoài ra còn có giấy báo nhận hàng, giấy đề nghị mua hàng...

##### ***Thủ tục nhập kho:***

+ Khi vật tư về đến công ty, ban kiểm nghiệm sẽ tiến hành kiểm tra về chất lượng, số lượng, chủng loại, mẫu mã và lập biên bản kiểm nghiệm.

+ Nếu vật tư đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, số lượng, chủng loại, mẫu mã, phù hợp thì đồng ý cho nhập kho. Cán bộ vật tư kiểm tra hóa đơn, nếu thấy hợp lí, hợp lệ thì tiến hành viết phiếu nhập kho theo mẫu quy định đúng số lượng, số tiền, chủng loại vật tư đã ghi trong hóa đơn.

+ Phiếu nhập kho được lập làm 3 liên, có chữ kí của giám đốc, thủ kho và cán bộ vật tư. Liên 1 lưu ở cuốn, liên 2 chuyển cho thủ kho để làm thẻ kho sau đó giao cho kế toán làm căn cứ ghi sổ, liên 3 giao cho người nhập.

+ Trường hợp vật tư không đúng quy cách phẩm chất thì phải thông báo ngay cho phòng kế hoạch cùng bộ phận kế toán lập biên bản xử lý (có xác nhận của người giao hàng). Thông thường bên bán giao ngay tại kho nên sau khi kiểm tra chỉ nhập kho số nguyên vật liệu đúng phẩm cấp đã ký kết lúc mua, số còn lại không đủ tiêu chuẩn thì trả lại cho người bán.

*Trích tình hình nhập kho NVL của công ty cổ phần hóa chất Bình Minh trong tháng 12/2011 như sau:*

***Nghiệp vụ 1: Ngày 03/12/2011: Nhập kho NVL nhựa EL, số lượng 15.000 kg của công ty cổ phần bao bì PP theo HĐ GTGT số 003857 (biểu 02), đơn giá chưa thuế VAT 10% là 23.333 đ/kg. Công ty chưa thanh toán.***

**Biểu 02:**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT-3LL												
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			AA/11P												
Liên 2: Giao khách hàng			0003857												
Ngày 03 tháng 12 năm 2011															
Đơn vị bán hàng : công ty cổ phần bao bì PP															
Địa chỉ: số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội.															
Số tài khoản:		MST: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table>				0	1	0	1	6	7	9	6	4	2
0	1	0	1	6	7	9	6	4	2						
Điện thoại															
Họ tên người mua hàng:															
Tên đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh															
Địa chỉ: số 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng															
Số tài khoản:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td></tr></table>				0	2	0	0	6	0	8	2	2	9
0	2	0	0	6	0	8	2	2	9						
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán MST:															
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	C	1	2	3=1×2										
1	Nhựa EL	kg	15.000	23.333	349.995.000										
2															
3															
Cộng tiền hàng					349.995.000										
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		34.999.500										
Tổng cộng tiền thanh toán					<b>384.994.500</b>										
Số tiền viết bằng chữ: <b>Ba trăm tám mươi tư triệu chín trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng chẵn./</b>															
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị											
Tuấn		Hòa		Mai											
Đỗ Anh Tuấn		Đặng Văn Hòa		Trần Ngọc Mai											

Khi vật liệu EL về đến kho, công ty tổ chức hội đồng kiểm nghiệm, bao gồm ông Tuấn- cán bộ vật tư, ông Linh – thủ kho, và ông Thành – cán bộ phòng kỹ thuật. Sau khi kiểm nghiệm thấy nhựa EL đảm bảo đúng quy cách, chất lượng, số lượng, chủng loại... theo hoá đơn GTGT số 0003857, công ty tiến hành làm thủ tục nhập kho. Biên bản kiểm nghiệm được lập như sau:

**Biểu 03:**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần  
hóa chất Bình Minh

Mẫu số 03-VT

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ**

*Ngày 03 tháng 12 năm 2011*

*Số 01/12*

Đơn vị bán: Công ty cổ phần bao bì PP

Hoá đơn số: 0003857

Ban kiểm nghiệm gồm có:

1. Ông: Đỗ Anh Tuấn- chức vụ cán bộ vật tư.

2. Ông: Nguyễn Văn Linh- thủ kho.

3. Ông: Đỗ Cường Thành- cán bộ phòng Kỹ thuật.

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư theo hoá đơn trên để nhập vào kho ông Nguyễn Văn Linh, số liệu cụ thể như sau:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị	Số lượng	
			Theo hoá đơn	Theo thực tế
1	Nhựa EL	Kg	15.000	15.000
	<b>Cộng</b>		<b>15.000</b>	<b>15.000</b>

ý kiến của bản kiểm nghiệm: Số vật tư trên đúng quy cách, chất lượng, số lượng theo hoá đơn, có đủ điều kiện làm thủ tục nhập kho.

Biên bản kết thúc hồi 15h cùng ngày. Biên bản được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ một bản có nội dung như nhau.

**Thủ kho**

*Nguyễn Văn Linh*

**Cán bộ vật tư**

*Đỗ Anh Tuấn*

**Đại diện kỹ thuật**

*Đỗ Cường Thành*

Cán bộ vật tư kiểm tra hóa đơn, tiến hành viết phiếu nhập kho theo mẫu quy định đúng số lượng, số tiền, chủng loại vật tư đã ghi trong hóa đơn. Phiếu nhập kho như sau:

**Biểu 04:**

**Đơn vị:** Công ty CPHC Bình Minh  
Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải  
Phòng

Mẫu số 01VT.  
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 03 tháng 12 năm 2011

Số :01/12

Nợ TK 1521

Có TK 331

Họ và tên người giao hàng: Công ty cổ phần bao bì PP.

Theo hoá đơn số: 0003857, ngày 03 tháng 12 năm 2011

Nhập tại kho: Vật tư

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Theo nhập		
1	Nhựa EL		Kg	15.000	15.000	23.333	349.995.000
	<b>Cộng</b>			15.000	15.000		349.995.000

Tổng số tiền(viết bằng chữ): **Ba trăm bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn.**

Số chứng từ gốc kèm theo:02 chứng từ gốc.

**Giám đốc****Phụ trách cung  
tiêu****Người giao hàng****Thủ kho**

Vũ Khắc Bút

Đỗ Anh Tuấn

Đặng Văn Hòa

Nguyễn Văn Linh

**Nghiệp vụ 2: Ngày 07/12/2011: Nhập kho NVL nhựa HDPE, số lượng 12.000 kg của công ty cổ phần nhựa A&C theo HĐ GTGT số 0021837 (biểu 05), cộng tiền hàng là 362.400.000. thuế VAT 10%, công ty chưa thanh toán.**

**Biểu 05:**

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL									
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA/11P									
Liên 2: Giao khách hàng		0021837									
Ngày 24 tháng 12 năm 2011											
Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần nhựa A&C											
Địa chỉ: Số 180 Nguyễn Đức Thuận, Gia Lâm, Hà Nội											
Số Tài khoản:	MST:	0	1	0	1	4	0	1	4	1	8
Điện thoại											
Họ tên người mua hàng:											
Tên đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh											
Địa chỉ: số 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng											
Số tài khoản:		0	2	0	0	6	0	8	2	2	9
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán MST:											
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền						
A	B	C	1	2	3=1×2						
1	Nhựa HDPE	kg	12.000	30.200	362.400.000						
2											
3											
Cộng tiền hàng					362.400.000						
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		36.240.000						
Tổng cộng tiền thanh toán					<b>398.640.000</b>						
Số tiền viết bằng chữ: <b>Ba trăm chín tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.</b>											
Người mua hàng Tuấn Đỗ Anh Tuấn		Người bán hàng Nghĩa Trần Tuấn Nghĩa		Thủ trưởng đơn vị Quân Hà Văn Quân							



Khi vật liệu nhựa HDPE về đến kho, công ty tổ chức hội đồng kiểm nghiệm, bao gồm ông Tuấn- cán bộ vật tư, ông Linh – thủ kho, và ông Thành – cán bộ phòng kỹ thuật. Sau khi kiểm nghiệm thấy nhựa HDPE đảm bảo đúng quy cách, chất lượng, số lượng, chủng loại... theo hoá đơn GTGT số 0021837 , công ty tiến hành làm thủ tục nhập kho. Biên bản kiểm nghiệm được lập như sau:

**Biểu 06:**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần  
hóa chất Bình Minh

Mẫu số 03-VT  
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ**

Ngày 07 tháng 12 năm 2011

Số 08/12

Đơn vị bán: Công ty cổ phần nhựa A&C

Hoá đơn số: 0021837

Ban kiểm nghiệm gồm có:

1. Ông: Đỗ Anh Tuấn- chức vụ cán bộ vật tư.

2. Ông: Nguyễn Văn Linh- thủ kho.

3. Ông: Đỗ Cường Thành- cán bộ phòng Kỹ thuật.

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư theo hoá đơn trên để nhập vào kho ông Nguyễn Văn Linh, số liệu cụ thể như sau:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị	Số lượng	
			Theo hoá đơn	Theo thực tế
1	Nhựa HDPE	Kg	12.000	12.000
	<b>Cộng</b>		<b>12.000</b>	<b>12.000</b>

ý kiến của bản kiểm nghiệm: Số vật tư trên đúng quy cách, chất lượng, số lượng theo hoá đơn, có đủ điều kiện làm thủ tục nhập kho.

Biên bản kết thúc hồi 7h cùng ngày. Biên bản được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ một bản có nội dung như nhau.

**Thủ kho**

Nguyễn Văn Linh

**Cán bộ vật tư**

Đỗ Anh Tuấn

**Đại diện kỹ thuật**

Đỗ Cường Thành

Cán bộ vật tư kiểm tra hóa đơn, tiến hành viết phiếu nhập kho theo mẫu quy định đúng số lượng, số tiền, chủng loại vật tư đã ghi trong hóa đơn. Phiếu nhập kho như sau:

**Biểu 07:**

**Đơn vị:** Công ty CPHC Bình Minh  
Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải  
Phòng

Mẫu số 01VT.  
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 07 tháng 12 năm 2011

Số :08/12

Nợ TK 1521

Có TK 331

Họ và tên người giao hàng: Công ty cổ phần nhựa A&C

Theo hoá đơn số: 0021837, ngày 07 tháng 12 năm 2011

Nhập tại kho: Vật tư

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Theo nhập		
1	Nhựa HDPE		Kg	12.000	12.000	30.200	362.400.000
	<b>Cộng</b>			12.000	12.000		362.400.000

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Hai Ba trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:02 chứng từ gốc.

**Thủ trưởng**

**Phụ trách cung**

**Người giao hàng**

**Thủ kho**

**tiêu**

*Vũ Khắc Bút*

*Đỗ Anh Tuấn*

*Trần Tuấn Nghĩa*

*Nguyễn Văn Linh*

**Nghiệp vụ 3: Ngày 24/12/2011: Nhập kho NVL nhựa APP theo HDGTGT số 0035083(biểu 08) của Công ty cổ phần KDTH Nghệ An số lượng 4.000 kg, đơn giá chưa thuế VAT 10% là 23.200 đ/kg. Tổng tiền thanh toán là 102.080.000. Công ty chưa thanh toán. Biểu 08**

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL									
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA/11P									
Liên 2: Giao khách hàng		0035083									
Ngày 24 tháng 12 năm 2011											
Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần KDTH Nghệ An											
Địa chỉ: Số 261 Phạm Kinh Vỹ, Nghệ An											
Số tài khoản:	MST:	3	0	0	0	4	4	8	0	6	0
Điện thoại											
Họ tên người mua hàng:											
Tên đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh											
Địa chỉ: số 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng											
Số tài khoản:											
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán MST: 0 2 0 0 6 0 8 2 2 9											
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền						
A	B	C	1	2	3=1×2						
1	Nhựa APP	kg	4.000	23.200	92.800.000						
2											
3											
Cộng tiền hàng					92.800.000						
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		9.280.000						
Tổng cộng tiền thanh toán					<b>102.080.000</b>						
Số tiền viết bằng chữ: <b>Một trăm linh hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.....</b>											
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị							
Tuấn		Trọng		Bình							
Đỗ Anh Tuấn		Hoàng Đức Trọng		Trịnh Ngọc Bình							

Khi vật liệu nhựa APP về đến kho, công ty tổ chức hội đồng kiểm nghiệm, bao gồm ông Tuấn- cán bộ vật tư, ông Linh – thủ kho, và ông Thành – cán bộ phòng kỹ thuật. Sau khi kiểm nghiệm, thấy nhựa APP đảm bảo đúng quy cách, chất lượng, số lượng, chủng loại... theo hoá đơn GTGT số 0035083, công ty tiến hành làm thủ tục nhập kho. Biên bản kiểm nghiệm được lập như sau:

**Biểu 09:**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần  
hóa chất Bình Minh

Mẫu số 03-VT  
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ**

*Ngày 24 tháng 12 năm 2011*

*Số 30/12*

Đơn vị bán: Công ty cổ phần KDTH Nghệ An

Hoá đơn số: 0035083

Ban kiểm nghiệm gồm có:

1. Ông: Đỗ Anh Tuấn- chức vụ cán bộ vật tư.
2. Ông: Nguyễn Văn Linh- thủ kho.
3. Ông: Đỗ Cường Thành- cán bộ phòng Kỹ thuật.

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư theo hoá đơn trên để nhập vào kho ông Nguyễn Văn Linh, số liệu cụ thể như sau:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị	Số lượng	
			Theo hoá đơn	Theo thực tế
1	Nhựa APP	Kg	4.000	4.000
	<b>Cộng</b>		<b>4.000</b>	<b>4.000</b>

ý kiến của ban kiểm nghiệm: Số vật tư trên đúng quy cách, chất lượng, số lượng theo hoá đơn, có đủ điều kiện làm thủ tục nhập kho.

Biên bản kết thúc hồi 12h30' cùng ngày. Biên bản được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ một bản có nội dung như nhau.

**Thủ kho**

*Nguyễn Văn Linh*

**Cán bộ vật tư**

*Đỗ Anh Tuấn*

**Đại diện kỹ thuật**

*Đỗ Cường Thành*

Cán bộ vật tư kiểm tra hóa đơn, tiến hành viết phiếu nhập kho theo mẫu quy định đúng số lượng, số tiền, chủng loại vật tư đã ghi trong hóa đơn. Phiếu nhập kho như sau:

**Biểu 10:**

**Đơn vị:** Công ty CPHC Bình Minh  
Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số 01VT.  
Q§ sè 15/2006/Q§-BTC  
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 24 tháng 12 năm 2011

Số :30/12

Nợ TK 1521

Có TK 331

Họ và tên người giao hàng: Công ty cổ phần bao bì PP.

Theo hoá đơn số: 0035083, ngày 24 tháng 12 năm 2011

Nhập tại kho: Vật tư

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Theo nhập		
1	Nhựa APP		Kg	4.000	4.000	23.200	92.800.000
	<b>Cộng</b>			4.000	4.000		92.800.000

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Chín hai triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:02 chứng từ gốc.

**Thủ trưởng****Phụ trách cung  
tiêu****Người giao hàng****Thủ kho**

Vũ Khắc Bút

Đỗ Anh Tuấn

Hoàng Đức

Nguyễn Văn Linh

Trọng

#### **2.2.4.2.2. Chứng từ và thủ tục xuất kho:**

##### **Chứng từ sử dụng :**

- + Phiếu xuất kho (mẫu số 02-VT)
- + Lệnh xuất vật tư (cho sản xuất sản phẩm)
- + Phiếu đề nghị cấp vật tư

##### **Thủ tục xuất kho:**

Khi các bộ phận sản xuất trong công ty có nhu cầu về nguyên vật liệu phải liệt kê chi tiết về số lượng, chủng loại nguyên vật liệu đó và ghi rõ dùng cho mục đích sử dụng vào “Phiếu đề nghị cấp vật tư” gửi lên phòng kế hoạch vật tư. Phòng kế hoạch vật tư xem xét thấy hợp lý sẽ trình lên cho giám đốc ký duyệt, sau đó viết phiếu xuất kho cho người lĩnh vật tư xuống lĩnh. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để xuất kho nguyên vật liệu.

Phiếu xuất kho chỉ được ghi ở cột số lượng, bỏ trống cột đơn giá và thành tiền, và được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu ở phòng Kế hoạch vật tư.
- Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán làm căn cứ ghi sổ.
- Liên 3: Người nhận vật tư giữ để theo dõi ở bộ phận sử dụng

*Trích tình hình xuất kho nguyên vật liệu của công ty trong tháng 12/2011 như sau:*

**Nghiệp vụ 1: Ngày 03/12/2011: Xuất kho NVL EL cho sản xuất hạt nhựa Bicoat tại tổ SX số 1, số lượng 15.400 kg.**

Căn cứ vào nhu cầu thực tế của tổ sản xuất số 1, quản đốc phân xưởng lập phiếu đề nghị cấp vật tư. Trên phiếu có sự xác nhận của phụ trách kỹ thuật thuộc phòng kỹ thuật.

**Biểu 11:**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ**

*Ngày 03 tháng 12 năm 2011*

*Số 03/12*

Tên đơn vị lĩnh vật tư : Tổ sản xuất số 1

Lý do lĩnh : Sản xuất hạt nhựa Bi coat

Lĩnh tại kho : Vật tư

STT	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng
1	Nhựa EL	kg	15.400
	Cộng		15.400

**Phụ trách cung tiêu      Thủ kho      Người nhận      Phụ trách KT**  
*Đỗ Anh Tuấn      Nguyễn Văn Linh      Nguyễn Mạnh Hùng      Đỗ Cường Thành*

Phòng kế hoạch vật tư xem xét thấy hợp lý sẽ trình lên cho giám đốc ký duyệt, sau đó viết phiếu xuất kho cho người lĩnh vật tư xuống lĩnh. Phiếu xuất kho chỉ được ghi ở cột số lượng, bỏ trống cột đơn giá và thành tiền, và được lập thành 3 liên:

-Liên 1: Lưu ở phòng Kế hoạch vật tư.

-Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán làm căn cứ ghi sổ.

-Liên 3: Người nhận vật tư giữ để theo dõi ở bộ phận sử dụng.

Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để xuất kho nguyên vật liệu.

Phiếu xuất kho như sau:

**Biểu 12:**

<b>Đơn vị:</b> Công ty CPHC Bình Minh				Mẫu số 02-VT.			
Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng				QĐ số 15/2006/QĐ-BTC			
				Ngày 20/03/2006 của BTBTC			
<b>PHIẾU XUẤT KHO</b>							
Ngày 03/12/2011							
Số : 02/12							
Nợ TK: 621							
Có TK : 1521							
Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Mạnh Hùng							
Địa chỉ: tổ sx1							
Lí do xuất : Sản xuất hạt nhựa Bi coat							
Xuất tại kho : Vật tư							
STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo Chứng từ	Thực xuất		
1	Nhựa EL		Kg	15.400	15.400		
	Cộng			<b>15.400</b>	<b>15.400</b>		
Cộng (viết bằng chữ):							
				Xuất ngày 03/12/2011			
<b>Phụ trách bộ phận sử dụng</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Phụ trách cung tiêu</b>		<b>Người nhận Thủ kho</b>	
Nguyễn Mạnh Hùng		Nguyễn Văn Sùng		Đỗ Anh Tuấn		Nguyễn Mạnh Hùng Nguyễn Văn Linh	



**Nhiệm vụ 2: Ngày 09/12/2011: Xuất kho NVL nhựa HDPE cho sản xuất túi nhựa HDPE tại tổ SX màng mỏng, số lượng 10.000 kg**

Căn cứ vào nhu cầu thực tế của tổ sản xuất số màng mỏng, quản đốc phân xưởng lập phiếu đề nghị cấp vật tư. Trên phiếu có sự xác nhận của phụ trách kỹ thuật thuộc phòng kỹ thuật.

**Biểu 13:**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ**

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

Số 09/12

Tên đơn vị lĩnh vật tư : Tổ sản xuất màng mỏng

Lý do lĩnh : Sản xuất túi nhựa HDPE

Lĩnh tại kho : Vật tư

STT	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng
1	Nhựa HDPE	kg	10.000
	Cộng		10.000

**Phụ trách cung tiêu**

**Thủ kho**

**Người nhận**

**Phụ trách KT**

*Đỗ Anh Tuấn*

*Nguyễn Văn Linh*

*Hoàng Văn Chiến*

*Đỗ Cường Thành*

Phòng kế hoạch vật tư xem xét thấy hợp lý sẽ trình lên cho giám đốc ký duyệt, sau đó viết phiếu xuất kho cho người lĩnh vật tư xuống lĩnh. Phiếu xuất kho chỉ được ghi ở cột số lượng, bỏ trống cột đơn giá và thành tiền, và được lập thành 3 liên:

-Liên 1: Lưu ở phòng Kế hoạch vật tư.

-Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán làm căn cứ ghi sổ.

-Liên 3: Người nhận vật tư giữ để theo dõi ở bộ phận sử dụng.

Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để xuất kho nguyên vật liệu.

Phiếu xuất kho như sau:

**Biểu 14:**

<b>Đơn vị:</b> Công ty CPHC Bình Minh				Mẫu số 02- VT.					
Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng				QĐ số 15/2006/QĐ-BTC					
				Ngày 20/03/2006 của BTBTC					
<b>PHIẾU XUẤT KHO</b>									
Ngày 09/12/2011									
Số : 34/12									
Nợ TK: 621									
Có TK : 1521									
Họ tên người nhận hàng : Hoàng Văn Chiến									
Địa chỉ: Tổ sản xuất màng mỏng									
Lí do xuất : Sản xuất túi nhựa HDPE									
Xuất tại kho : Vật tư									
STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền		
				Theo Chứng từ	Thực xuất				
1	Nhựa HDPE		Kg	10.000	10.000				
	Cộng			<b>10.000</b>	<b>10.000</b>				
Cộng (viết bằng chữ):									
				Xuất ngày 09/12/2011					
<b>Phụ trách bộ phận sử dụng</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Phụ trách cung tiêu</b>		<b>Người nhận</b>		<b>Thủ kho</b>	
Hoàng Văn Chiến		Nguyễn Văn Sùng		Đỗ Anh Tuấn		Hoàng Văn Chiến		Nguyễn Văn Linh	

**Nhiệm vụ 3: Ngày 28/12/2011: Xuất kho NVL nhựa APP cho sản xuất hạt nhựa Bicoat tại tổ SX số 1, số lượng 9.200 kg**

Căn cứ vào nhu cầu thực tế của tổ sản xuất số 1, quản đốc phân xưởng lập phiếu đề nghị cấp vật tư. Trên phiếu có sự xác nhận của phụ trách kỹ thuật thuộc phòng kỹ thuật.

**Biểu 15:**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ**

*Ngày 28 tháng 12 năm 2011*

*Số 183/12*

Tên đơn vị lĩnh vật tư : Tổ sx 1

Lý do lĩnh : Sản xuất hạt nhựa APP

Lĩnh tại kho : Vật tư

STT	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng
1	Nhựa APP	kg	9.200
	Cộng		9.200

**Phụ trách cung tiêu**

**Thủ kho**

**Người nhận**

**Phụ trách KT**

*Đỗ Anh Tuấn*

*Nguyễn Văn Linh*

*Nguyễn Mạnh Hùng*

*Đỗ Cường Thành*

Phòng kế hoạch vật tư xem xét thấy hợp lý sẽ trình lên cho giám đốc ký duyệt, sau đó viết phiếu xuất kho cho người lĩnh vật tư xuống lĩnh. Phiếu xuất kho chỉ được ghi ở cột số lượng, bỏ trống cột đơn giá và thành tiền, và được lập thành 3 liên:

-Liên 1: Lưu ở phòng Kế hoạch vật tư.

-Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán làm căn cứ ghi sổ.

-Liên 3: Người nhận vật tư giữ để theo dõi ở bộ phận sử dụng.

Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để xuất kho nguyên vật liệu.

Phiếu xuất kho như sau:

**Biểu 16:**

**Đơn vị:** Công ty CPHC Bình Minh

Mẫu số 02-VT.

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Phòng

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 28/12/2011

Số : 183/12

Nợ TK: 621

Có TK : 1521

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Mạnh Hùng

Địa chỉ: tổ sx 1

Lí do xuất : Phục vụ sản xuất hạt nhựa Bicoat

Xuất tại kho : Vật tư

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo Chứng từ	Thực xuất		
1	Nhựa APP		Kg	9.200	9.200		
	Cộng			<b>9.200</b>	<b>9.200</b>		

Cộng (viết bằng chữ):

Xuất ngày 28/12/2011

**Phụ trách bộ phận sử dụng**

Nguyễn Mạnh Hùng

**Kế toán trưởng**

Nguyễn Văn Sùng

**Phụ trách cung tiêu**

Đỗ Anh Tuấn

**Người nhận**

Nguyễn Mạnh Hùng

**Thủ kho**

Nguyễn Văn Linh

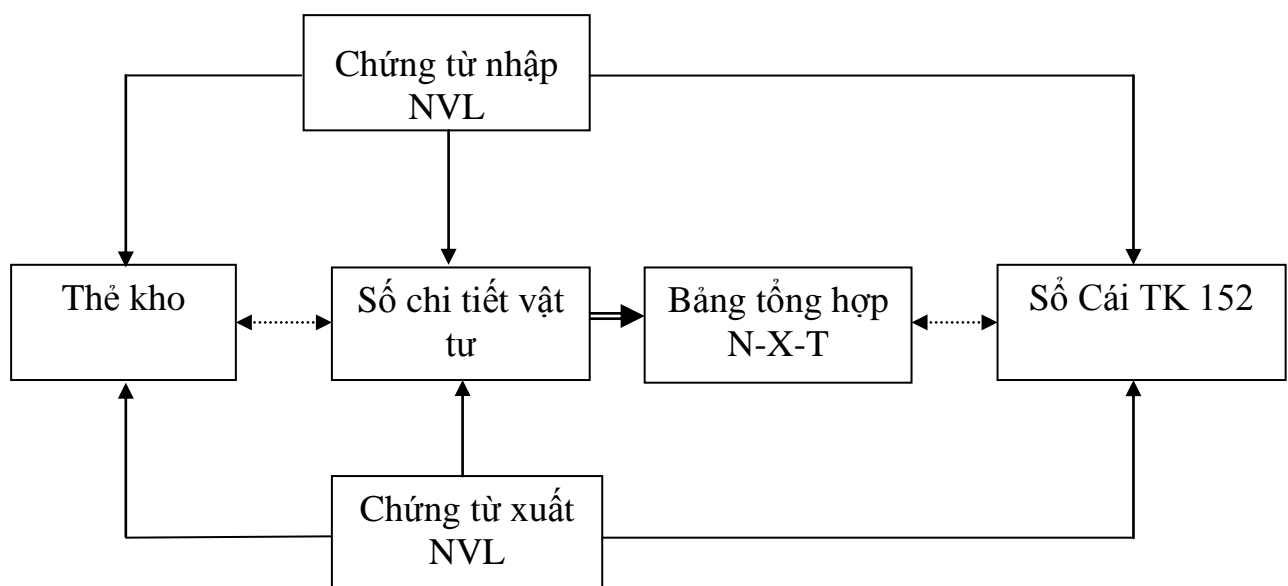
### 2.2.4.3. Kế toán chi tiết NVL tại công ty cổ phần hóa chất Bình Minh:

Nguyên vật liệu trong Công ty có nhiều chủng loại khác nhau, vì vậy hạch toán nguyên vật liệu phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của nguyên vật liệu. Hạch toán chi tiết được tiến hành song song với hạch toán tổng hợp nhằm quản lý chặt chẽ hơn tình hình biến động tài sản của doanh nghiệp.

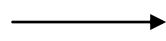
Kế toán thực hiện hình thức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đó là hình thức “*Thẻ song song*”

Do đó việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được tiến hành đồng thời tại hai bộ phận: kế toán và ở kho.

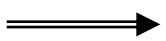
#### ***Sơ đồ 15: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song tại công ty cổ phần hóa chất Bình Minh.***



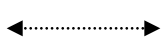
***Ghi chú:***



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra

**- Tại kho:**

+ Thủ kho theo dõi số lượng nhập xuất trên thẻ kho đồng thời nắm vững ở bất kỳ thời điểm nào trong kho về số lượng, chất lượng, chủng loại, từng thứ, loại nguyên vật liệu sẵn sàng sản xuất khi có yêu cầu.

+ Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập, xuất thủ kho tiến hành phân loại, sắp xếp từng danh điểm vật tư để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn của từng loại vật liệu vào thẻ kho, chi tiết từng loại theo số lượng. Cuối ngày hoặc sau mỗi lần nhập, xuất kho thủ kho phải tính toán và đối chiếu số lượng vật liệu tồn kho thực tế so với số liệu trên sổ sách.

+ Cuối tháng thủ kho tiến hành tổng hợp số nhập, xuất, tính ra số lượng tồn kho theo từng NVL và lập báo cáo nhập-xuất-tồn kho đối chiếu với các phân xưởng và chuyển toàn bộ thẻ kho về phòng kế toán.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số tồn} & & \text{Số tồn} & & \text{Số nhập} & & \text{Số xuất} \\ \text{kho cuối} & = & \text{kho đầu} & + & \text{kho trong} & - & \text{kho trong} \\ \text{tháng} & & \text{tháng} & & \text{tháng} & & \text{tháng} \end{array}$$

**- Tại phòng kế toán:**

\* Kế toán vào sổ chi tiết vật tư:

-Cơ sở lập: Căn cứ vào các chứng từ nhập kho Bảng kê xuất NVL của tháng và chi tiết vật liệu từ tháng trước.

-Phương pháp lập:

Dòng tồn đầu tháng: Lấy số liệu ở sổ chi tiết vật liệu của nguyên vật liệu này tháng trước chuyển sang (dòng cộng, cột tồn)

Dòng số phát sinh:

+ Các nghiệp vụ nhập kho NVL: Khi nhận được chứng từ nhập kho NVL kế toán chi tiết vật liệu kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi ghi vào sổ chi tiết vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị . Chỉ tiêu giá trị của vật liệu nhập trong tháng ở sổ chi tiết của từng thứ vật liệu được tính bằng giá mua cộng chi phí vận chuyển, bốc dỡ đã được phân bổ.

+ Các nghiệp vụ xuất kho NVL : Cuối tháng, kế toán tổng hợp tình hình nhập kho và tính ra đơn giá xuất kho bình quân, làm căn cứ ghi vào Bảng kê xuất NVL để tính ra trị giá xuất. Căn cứ vào cột “Cộng” trong Bảng kê xuất NVL, kế toán ghi nhận trị giá xuất trong tháng tại sổ chi tiết vật tư

Cột tồn cuối tháng: (theo dõi cả số lượng và giá trị )

Số tồn	=	Số tồn đầu	+	Số nhập	-	Số xuất
cuối tháng		tháng		trong tháng		trong tháng

\* Kế toán vào Bảng kê xuất NVL:

- Cơ sở lập: Căn cứ vào các P XK NVL trong tháng, sổ chi tiết vật tư.

-Phương pháp lập: trong tháng kế toán chỉ ghi chép tình hình xuất NVL theo chỉ tiêu “số lượng”. Cuối tháng, kế toán tính ra đơn giá xuất kho và trị giá xuất kho NVL để điền vào cột “đơn giá” và “thành tiền” trong Bảng kê xuất NVL. Căn cứ vào số liệu cột “Cộng” trong Bảng kê xuất NVL, kế toán vào sổ chi tiết vật tư và bảng tổng hợp chi tiết Nhập xuất tồn.

\*Kế toán vào bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu:

-Cơ sở lập: Căn cứ vào sổ chi tiết vật liệu và các chứng từ có liên quan.

-Phương pháp lập:

Cột tồn đầu kỳ: Lấy số dư cuối tháng trước của bảng tổng hợp nhập-xuất tồn tháng trước chuyển sang theo dòng của từng thứ vật tư.

Cột xuất trong kỳ: Căn cứ vào dòng tổng cộng ở cột xuất trong tháng của sổ chi tiết từng thứ NVL.

Cột tồn cuối kỳ: Lấy số tồn cuối tháng của từng sổ chi tiết NVL để ghi

Dòng cộng: Cộng dồn từ trên xuống ở cột nhập và cột xuất, còn cột tồn cuối tháng được tính theo cách tính tương tự như ở sổ chi tiết NVL.

***Kế toán chi tiết một số vật liệu:***

***Nhựa EL:***

\* Căn cứ vào phiếu nhập kho của NVL EL số 01/12 ngày 03/12/2011  
(***Biểu 04***)

\*Căn cứ vào phiếu xuất kho của NVL EL số 02/12 ngày 03/12/2011( **Biểu 12**)

Thủ kho sẽ ghi vào thẻ kho NVL EL như sau:

**Biểu 17:**

**Đơn vị:** Công ty CPHC Bình Minh

Mẫu số S12-DN.

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Phòng

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

## THẺ KHO

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư: Nhựa EL

Đơn vị tính: kg

Mã số:

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Kí xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
			<b>Tồn ngày 01/12/2011</b>			<b>5.390</b>	
			.....	...	...	...	
03/12	PNK01/12	03/12	Nhập kho nhựa EL	15.000		20.390	
..	...	...	....	...	...	...	
03/12	PXK02/12	03/12	Xuất kho nhựa EL cho tổ sx1		15.400	1.900	
...	...	...	...	...	...	..	
25/12	PXK130/12	25/12	Xuất kho nhựa EL cho tổ sx1		4.000	5.560	
			.....	...	...	...	
			<b>Cộng phát sinh</b>	<b>42.000</b>	<b>42.300</b>		
			<b>Tồn kho</b>			<b>5.090</b>	

**Kế toán trưởng**

*Nguyễn Văn Sùng*

**Thủ kho**

*Nguyễn Văn Linh*

**Giám đốc**

*Vũ Khắc Bút*



\*Kế toán vào sổ chi tiết NVL EL : Trong tháng căn cứ vào các chứng từ nhập, kế toán vào Sổ chi tiết vật tư. Cuối tháng, tổng hợp tình hình nhập kho NVL, kế toán tính ra đơn giá xuất kho bình quân của vật liệu EL:

$$\text{ĐGXK NVL EL} = \frac{138.187.000 + 966.000.000}{5.390 + 42.000} = \frac{1.104.187.000}{47.390} = 23.300$$

Sau đó, kế toán lấy đơn giá bình quân vừa tính được ghi vào Bảng kê xuất NVL để tính ra trị giá xuất NVL EL trong kì:

$$23.300 \times 42.300 = 985.590.000 (\text{đ}).$$

Căn cứ vào cột “Cộng” của Bảng kê xuất NVL, kế toán vào dòng “Xuất kho trong tháng” của Sổ chi tiết vật tư.

Sổ chi tiết NVL EL được lập như sau:

**Biểu 18**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh  
Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S10-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU**

Tháng 12 năm 2011

Tài khoản: 1521-EL. Tên kho: Vật tư

**Tên vật liệu: Nhựa EL***Đơn vị tính: đồng*

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		<b>Số dư đầu kỳ</b>							<b>5.390</b>	<b>138.187.000</b>
PNK 01/12	03/12	Nhập kho chưa trả tiền	331	23.333	15.000	349.995.000			...	...
		.....	...	...	...	...	...	...		
PNK 02/12	03/12	Nhập kho chưa trả tiền	331	23.000	12.000	276.000.000			...	...
		.....	...	...	...	...	...	...		
BKX NVL 01/12	31/12	Xuất kho trong tháng	6211	23.300	...	...	42.300	985.590.000	5.090	118.597.000
		.....	...	...	...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng tháng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>42.000</b>	<b>966.000.000</b>	<b>42.300</b>	<b>985.590.000</b>		
		<b>Số dư cuối kỳ</b>							<b>5.090</b>	<b>118.597.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
*Nguyễn Phương Thảo*

Kế toán trưởng  
*Nguyễn Văn Sùng*

Giám đốc  
*Vũ Khắc Bút*

\* Kế toán lập Bảng kê xuất NVL: trong tháng kế toán chỉ ghi chép tình hình xuất NVL EL theo chỉ tiêu “số lượng”. Cuối tháng, kế toán tính ra đơn giá xuất kho và trị giá xuất kho NVL EL để điền vào cột “đơn giá” và “thành tiền” trong Bảng kê xuất NVL. Căn cứ vào số liệu cột “Cộng” trong Bảng kê xuất NVL, kế toán vào sổ chi tiết vật tư và bảng tổng hợp chi tiết Nhập xuất tồn. Bảng kê xuất NVL EL được lập như sau:

**Biểu 19:**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

**BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tháng 12 năm 2011

Tài khoản : 1521-EL. Số : 01/12

Tên NVL : Nhựa EL

*Đối tượng : sx hạt nhựa Bicoat*

*Đơn vị tính : đồng*

Chứng từ		Diễn giải	Xuất		
Số hiệu	Ngày tháng		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
...	...	....	.....		
PXK02/12	03/12	Xuất kho cho SXSP tổ sx1	15.400	23.300	358.820.000
...	...	...	...	...	....
PXK11/12	06/12	Xuất kho cho SXSP tổ sx1	8.000	23.300	186.400.000
...	...	...	...		...
PXK130/12	25/12	Xuất kho cho SXSP tổ sx1	4.000	23.300	93.200.000
...	....	...	...		...
		<b>Cộng</b>	<b>42.300</b>	<b>23.300</b>	<b>985.590.000</b>

**Nhựa HDPE :**\* Căn cứ vào phiếu nhập kho số 08/12 ngày 07/12/2011( **Biểu 07**)\*Căn cứ vào phiếu xuất kho số 34/12 ngày 09/12/2011( **Biểu 14**)

Thủ kho sẽ ghi vào thẻ kho NVL nhựa HDPE như sau:

**Biểu 20:****Đơn vị:** Công ty CPHC Bình Minh

Mẫu số S12-DN.

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Phòng

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

**THẺ KHO**

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư: Nhựa HDPE

Đơn vị tính: kg

Mã số:

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Kí xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
			<b>Tồn ngày 01/12/2011</b>			<b>1.210</b>	
			.....	...	...	...	
05/12	PNK06/12	05/12	Nhập kho nhựa HDPE	1.000		2.390	
..	...	...	....	...	...	...	
07/12	PNK08/12	07/12	Nhập kho nhựa HDPE	12.000		14.900	
...	...	...	...	...	...	..	
09/12	PXK34/12	09/12	Xuất kho nhựa HDPE cho tổ sx màng mỏng		10.000	5.600	
			.....	...	...	...	
			<b>Cộng phát sinh</b>	<b>23.870</b>	<b>22.300</b>		
			<b>Tồn kho</b>			<b>1.750</b>	

**Kế toán trưởng****Thủ kho****Giám đốc**

Nguyễn Văn Sùng

Nguyễn Văn Linh

Vũ Khắc Bút

\*Kế toán vào sổ chi tiết NVL HDPE : Trong tháng căn cứ vào các chứng từ nhập, kế toán vào Sổ chi tiết vật tư. Cuối tháng, tổng hợp tình hình nhập kho NVL, kế toán tính ra đơn giá xuất kho bình quân của vật liệu HDPE:

$$\begin{array}{l} \text{ĐGXX} \\ \text{NVL} \\ \text{HDPE} \end{array} = \frac{36.421.000 + 718.487.000}{1.210 + 23.870} = \frac{754.908.000}{25.080} = 30.100$$

Sau đó, kế toán lấy đơn giá bình quân vừa tính được ghi vào Bảng kê xuất NVL để tính ra trị giá xuất NVL HDPE trong kì:

$$30.100 \times 22.300 = 671.230.000 (\text{đ})$$

Căn cứ vào cột “Cộng” của Bảng kê xuất NVL, kế toán vào dòng “Xuất trong tháng” của Sổ chi tiết vật tư.

Sổ chi tiết NVL HDPE được lập như sau:

**Biểu 21:****Đơn vị:** Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S10-DN**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU**

Tháng 12 năm 2011

Tài khoản: 1521-HDPE. Tên kho: Vật tư

**Tên vật liệu: Nhựa HDPE***Đơn vị tính: đồng*

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		<b>Số dư đầu kỳ</b>							<b>1.210</b>	<b>36.421.000</b>
		.....								
PNK06/12	05/12	Nhập kho HDPE	331	30.100	1.000	30.100.000			2.390	...
...	...	....	...	...	...	...	...	...	...	...
PNK 10/12	07/12	Nhập kho NVL HDPE	331	30.200	12.000	362.400.000			14.390	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
BKX NVL 02/12	31/12	Xuất kho trong tháng.	6211	30.200			22.300	671.230.000	2.780	83.678.000
		.....								
		<b>Cộng tháng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>23.870</b>	<b>718.487.000</b>	<b>22.300</b>	<b>671.230.000</b>		
		<b>Số dư cuối kỳ</b>							<b>2.780</b>	<b>83.678.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Sùng

Giám đốc

Vũ Khắc Bút

\* Kế toán lập Bảng kê xuất NVL: trong tháng kế toán chỉ ghi chép tình hình xuất NVL HDPE theo chỉ tiêu “số lượng”. Cuối tháng, kế toán tính ra đơn giá xuất kho và trị giá xuất kho NVL HDPE để điền vào cột “đơn giá” và “thành tiền” trong Bảng kê xuất NVL. Căn cứ vào số liệu cột “Cộng” trong Bảng kê xuất NVL, kế toán vào sổ chi tiết vật tư và bảng tổng hợp chi tiết Nhập xuất tồn. Bảng kê xuất NVL HDPE được lập như sau:

**Biểu 22:****Đơn vị:** Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

**BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tháng 12 năm 2011

Tài khoản : 1521-HDPE. Số 02/12

Tên NVL : Nhựa HDPE

*Đối tượng : sx túi nhựa HDPE**Đơn vị tính : đồng*

Chứng từ		Diễn giải	Xuất		
Số hiệu	Ngày tháng		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
...	...	....	.....		
PXK02/12	03/12	Xuất kho cho SXSP tổ màng mỏng	2.350	30.100	70.735.000
...	...	...	...		....
PXK34/12	07/12	Xuất kho cho SXSP tổ sx màng mỏng	10.000	30.100	301.000.000
...	...	...	...		...
PXK38/12	08/12	Xuất kho cho SXSP tổ màng mỏng	9.200	30.100	276.920.000
...	....	...	...		...
		<b>Cộng</b>	<b>22.300</b>	<b>30.100</b>	<b>671.230.000</b>

**Nhựa APP:**\* Căn cứ vào phiếu nhập kho số 30/12 ngày 24/12/2011( **Biểu 10**)\*Căn cứ vào phiếu xuất kho số 183/12 ngày 28/12/2011( **Biểu 16**)

Thủ kho sẽ ghi vào thẻ kho NVL nhựa APP như sau:

**Biểu 23 :****Đơn vị:** Công ty CPHC Bình Minh

Mẫu số S12-DN.

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Phòng

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

**THẺ KHO**

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư: Nhựa APP

Đơn vị tính: kg

Mã số:

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Kí xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
			<b>Tồn ngày 01/12/2011</b>			<b>2.390</b>	
			.....	...	...	...	
03/12	PXK03/12	03/12	Xuất kho SXSP cho tổ sx2		5.320	4.300	
...	...	...	...	...	...	...	
24/12	PNK30/12	24/12	Nhập kho nhựa APP	4.000		8.200	
...	...	...	...	...	...	...	
28/12	PXK183/12	28/12	Xuất kho SXSP cho tổ sx1		9.200	3.220	
			.....	...	...	...	
			<b>Cộng phát sinh</b>	<b>23.540</b>	<b>21.300</b>		
			<b>Tồn kho</b>			<b>4.630</b>	

**Kế toán trưởng**

Nguyễn Văn Sùng

**Thủ kho**

Nguyễn Văn Linh

**Giám đốc**

Vũ Khắc Bút



\*Kế toán vào sổ chi tiết NVL APP : Trong tháng căn cứ vào các chứng từ nhập, kế toán vào Sổ chi tiết vật tư. Cuối tháng, tổng hợp tình hình nhập kho NVL, kế toán tính ra đơn giá xuất kho bình quân của vật liệu APP:

$$\text{ĐGXK NVL APP} = \frac{55.448.000 + 546.128.000}{2.390 + 23.540} = \frac{601.576.000}{25.930} = 23.200$$

Sau đó, kế toán lấy đơn giá bình quân vừa tính được ghi vào Bảng kê xuất NVL để tính ra trị giá xuất NVL HDPE trong kì:

$$23.200 \times 21.300 = 494.160.000 (\text{đ})$$

Căn cứ vào cột “Cộng” của Bảng kê xuất NVL, kế toán vào dòng “Xuất trong tháng” trong Sổ chi tiết vật tư.

Sổ chi tiết NVL APP được lập như sau:

**Biểu 24:****Đơn vị:** Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S10-DN**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU**

Tháng 12 năm 2011

Tài khoản: 1521-APP. Tên kho: Vật tư

**Tên vật liệu: Nhựa APP***Đơn vị tính: đồng*

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		<b>Số dư đầu kỳ</b>							<b>2.390</b>	<b>55.448.000</b>
		.....								
PNK 40/12	21/12	Nhập kho APP	112	23.120	3.870	89.474.400	...	...	...	...
...	...	....	...	...	...	...	...	...	...	...
PNK30/12	24/12	Nhập kho APP	331	23.200	4.000	92.800.000			...	...
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
BKX NVL 03/12	31/12	Xuất kho trong tháng.	6211	23.200			21.300	494.160.000	4.630	107.416.800
		.....								
		<b>Cộng tháng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>23.540</b>	<b>546.128.000</b>	<b>21.300</b>	<b>494.160.000</b>		
		<b>Số dư cuối kỳ</b>							<b>4.630</b>	<b>107.416.800</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
*Nguyễn Phương Thảo*Kế toán trưởng  
*Nguyễn Văn Sùng*Giám đốc  
*Vũ Khắc Bút*

\* Kế toán lập Bảng kê xuất NVL: trong tháng kế toán chỉ ghi chép tình hình xuất NVL APP theo chỉ tiêu “số lượng”. Cuối tháng, kế toán tính ra đơn giá xuất kho và trị giá xuất kho NVL APP để điền vào cột “đơn giá” và “thành tiền” trong Bảng kê xuất NVL. Căn cứ vào số liệu cột “Cộng” trong Bảng kê xuất NVL, kế toán vào sổ chi tiết vật tư và bảng tổng hợp chi tiết Nhập xuất tồn. Bảng kê xuất NVL APP được lập như sau: **Biểu 25:**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

**BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tháng 12 năm 2011

Tài khoản : 1521-APP. Số 03/12

Tên NVL : Nhựa APP

*Đối tượng : sx hạt nhựa Bicoat*

*Đơn vị tính : đồng*

Chứng từ		Diễn giải	Xuất		
Số hiệu	Ngày tháng		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
...	...	....	.....		
PXK03/12	03/12	Xuất kho cho SXSP tổ sx1	5.320	23.200	123.424.000
...	...	...	...		....
PXK18/12	09/12	Xuất kho cho SXSP tổ sx1	3.780	23.200	87.696..000
...	...	...	...		...
PXK183/12	28/12	Xuất kho cho SXSP tổ sx1	9.200	23.200	213.440.000
...	....	...	...		...
		<b>Cộng</b>	<b>21.300</b>	<b>23.200</b>	<b>494.160.000</b>

**Biểu 26:**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh  
Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S11-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT  
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Tài khoản: 152  
Tháng...12..năm..2011

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Nhựa EL	138.187.000	966.000.000	985.590.000	118.597.000
2	Nhựa HDPE	36.421.000	718.487.000	671.230.000	83.678.000
3	Nhựa APP	55.448.000	546.128.000	494.160.000	107.416.800
4	Nhựa PVC	4.576.390	48.379.480	49.367.600	3.579.270
5	Nhựa LLDPE	6.324.670	45.647.220	47.234.540	4.737.350
6	Axit béo	3.216.320	23.352.830	21.435.290	5.133.860
7	Nhựa dẻo anpha	11.238.120	54.635.610	53.123.600	12.750.130
	...	...	...	...	...
	<b>Cộng</b>	<b>1.749.876.000</b>	<b>3.876.589.000</b>	<b>4.458.193.700</b>	<b>1.168.271.300</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập  
Nguyễn Phương Thảo

Giám đốc  
Vũ Khắc Bút

**2.2.4.4. Kế toán tổng hợp NVL tại công ty cổ phần hóa chất Bình Minh:**

- Bên cạnh Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, kế toán tổng hợp nguyên vật liệu cũng là công cụ quan trọng không thể thiếu được và rất có ảnh hưởng trong công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc sử dụng các tài khoản kế toán để phản ánh, kiểm tra, giám sát tình hình NVL ở dạng tổng quát. Kế toán tổng hợp NVL có chức năng phản ánh số hiện có, tình hình biến động NVL của doanh nghiệp theo chỉ tiêu giá trị mà kế toán chi tiết vật liệu chưa đảm bảo được. Do đó, kế toán tổng hợp là khâu quan trọng trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu bởi nó đóng vai trò cung cấp những số liệu cần thiết phục vụ cho công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

**Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 152 “ nguyên vật liệu” với 3 tài khoản cấp 2:

+ 1521 nguyên vật liệu chính: 1521-EL (nhựa EL) 1521-HDPE (nhựa HDPE) 1521-APP (nhựa APP) ....

+ 1522 nguyên vật liệu phụ: 1522-A (nhựa dẻo anpha) 1522-C (CaCO<sub>3</sub>)...

+ 1528 vật liệu khác.

- Ngoài ra còn có các TK liên quan khác:

+ 621 (chi phí NVL TT )

+ 622 (chi phí NCTT)

+ 627 (chi phí QL PX)

+ 641 (chi phí BH)

+ 642 (chi phí QLDN)

+ TK 331 (phải trả cho người bán và được mở chi tiết cho từng người bán).

+ TK 111 (tiền mặt)

+ TK 112 (tiền gửi ngân hàng.)

+ TK 1331 (thuế GTGT được khấu trừ .)

+ TK 141 (Tạm ứng)

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc (HĐGTGT, các phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán...) kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời sổ chi tiết vật tư.

- Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 152.

- Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết vật tư, kế toán lập bảng tổng hợp Nhập – xuất – tồn. Kế toán đối chiếu số liệu trên sổ cái TK 152 với bảng tổng hợp Nhập – xuất – tồn để kiểm tra sự chính xác của số liệu. Sau đó dựa vào sổ cái TK 152 lập Bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối năm căn cứ BCD SPS, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC.

#### **2.2.4.4.1 . Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu.**

Cùng với việc hạch toán chi tiết vật liệu hàng ngày thì việc tổ chức hạch toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu là một khâu quan trọng trong công tác hạch toán vật tư.

Vật liệu của công ty hoàn toàn là mua ngoài nhập kho nên đã nảy sinh quan hệ thanh toán giữa công ty với người cung cấp vật tư. Thực tế ở công ty khi mua vật tư về sản xuất thì vật liệu được đưa về công ty bao giờ cũng có hoá đơn kèm theo. Không có trường hợp nào vật tư đã về đến công ty mà hoá đơn chưa về và ngược lại. Cụ thể hạch toán tổng hợp nhập vật liệu được thể hiện theo bút toán:

Nợ TK 1521 (chi tiết cho từng loại vật tư): giá trị thực tế NVL nhập kho

Nợ TK 133: thuế GTGT đầu vào

Có TK 331, 111, 112: tổng giá thanh toán.

Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập kho và các hoá đơn GTGT, kế toán ghi sổ Nhật ký chung. Số liệu trên Nhật ký chung được ghi vào sổ cái các TK như 152, 111, 112, 331, 133, ....Cuối kỳ khóa sổ cái và đối chiếu với “Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn NVL”.

#### 2.2.4.4.2. *Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu*

-Đối với các doanh nghiệp sản xuất, vật liệu xuất kho chủ yếu sử dụng cho sản xuất sản phẩm, quản lý, phục vụ cho quá trình sản xuất, thuê ngoài gia công...Mặt khác, trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, giá trị vật liệu xuất dùng được xác định là một trong những yếu tố cấu thành nên chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Do đó, kế toán tổng hợp xuất vật liệu phải phản ánh, tính toán kịp thời, phân bổ chính xác giữa giá trị thực tế vật liệu xuất dùng cho các đối tượng sử dụng.

- Vật liệu công ty xuất kho chủ yếu là phục vụ sản xuất, cụ thể là cung cấp cho sản xuất hạt nhựa phụ gia Bicoat, Bical, Hotmelt, túi nhựa HDPE, và túi nhựa LLDPE. Bên cạnh đó, cũng có một ít vật liệu được xuất dùng cho chi phí sản xuất chung, xuất bán, xuất trả nợ, xuất cho vay... .

- Căn cứ vào các chứng từ xuất kho NVL, kế toán tiến hành phân loại theo từng loại vật liệu xuất dùng, tập hợp theo từng đối tượng sử dụng. Công ty áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX và xác định trị giá thực tế của vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ.

\*Căn cứ vào cột “Cộng” của các Bảng kê xuất NVL trong tháng 12/2011, cụ thể: Bảng kê xuất NVL số 01/12 (**Biểu 19**), Bảng kê xuất NVL số 02/12 (**Biểu 22**) Bảng kê xuất NVL số 03/12 (**Biểu 25**), kế toán lập **Bảng tổng hợp xuất NVL cho từng đối tượng** như sau:

**Biểu 27:****Đơn vị:** Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh

Địa chỉ: Số 87 Đinh Nhu lê Chân Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU CHO TỪNG ĐỐI TƯỢNG***Tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính : đồng*

ST T	Tên NVL Đối tượng SD	Nhựa EL	Nhựa HDPE	Nhựa APP	Axit HCL	...	Cộng
1	Hạt nhựa Bicoat	985.590.000	-	494.160.000		...	<b>1.456.673.900</b>
2	Hạt nhựa Bical (PE)	...	...	...		...	...
3	Hạt nhựa Bical (PP)	...	...	...		...	...
4	Túi nhựa HDPE	-	617.230.000	-		...	<b>935.563.890</b>
5	Túi nhựa LLDPE .	...	...	...		...	...
6	Tây rửa cầu cạn	...	...	...	8.252.344	...	<b>8.252.344</b>
...	...	...	...	...		...	...
	<b>Cộng</b>	<b>985.590.000</b>	<b>617.230.000</b>	<b>494.160.000</b>		...	<b>4.458.193.700</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

*Người lập bảng:*  
*Nguyễn Phương Thảo*

*Giám đốc*  
*Vũ Khắc Bút*



Căn cứ vào bảng tổng hợp xuất NVL cho từng đối tượng, kê toán vào Bảng phân bổ NVL như sau:

**Biểu 28:****Đơn vị :** công ty cổ phần hóa chất Bình Minh**Địa chỉ :** 87 Đình Nhu Lê Chân Hải Phòng**Mẫu số :** 07-VT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN VẬT LIỆU***Tháng 12 năm 2011*

STT	Ghi có các TK	Tài khoản 152	Tài khoản 153	TK 142	TK 242
	Ghi nợ các TK (Đối tượng sử dụng)				
<b>1</b>	<b>TK 621 (CP NVL TT)</b>	<b>4.433.555.537</b>	...	...	...
	Hạt nhựa Bicoat	1.456.673.900	...	...	...
	Hạt nhựa Bical (PP)	...	...	...	...
	Hạt nhựa Bical (PE)	...	...	...	...
	Túi nhựa HDPE	935.563.890	...	...	...
	Túi nhựa LLDPE				
...	...	...	...	...	...
<b>2</b>	<b>TK 627 (CP SXC)</b>	<b>24.638.163</b>	...	...	...
	Tẩy rửa cầu cạn	8.252.344	...	...	...
	.....	.....	...	...	...
	<b>Cộng</b>	<b>4.458.193.700</b>	...	...	...

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Người lập bảng*  
Nguyễn Phương Thảo

*Kế toán trưởng*  
Nguyễn Văn Sùng

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc (Hóa đơn GTGT, phiếu chi, phiếu thu, PNK...) của các nghiệp vụ phát sinh trong kì và bảng phân bổ NVL cuối kì, kê toán vào sổ Nhật Kí chung năm 2011 như sau :

**Biểu 29:**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh  
Số 87 Đinh Nhu lê Chân Hải Phòng

**Mẫu S03a – DN**  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của BTBTC

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

Năm 2011

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Số Cái	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang				....	...
			Số phát sinh					
03/12	HD 0003857	03/12	Nhập kho vật liệu EL chưa trả tiền			152	349.995.000	
						133	34.999.500	
						331		384.994.500
...	...	...	...	...		...	...	...
06/12	GBN32/12	06/12	Trả tiền nợ kì trước cho công ty cổ phần bao bì PP			331	276.000.000	
						112		276.000.000
...	...	...	...	...		...	...	...
07/12	HD 0021837	07/12	Nhập kho HDPE chưa thanh			152	362.400.000	

			toán					
						133	36.240.000	
						331		398.640.000
18/12	GBN 103/12	18/12	Rút TGNH nhập quỹ tiền mặt			111	25.000.000	
						112		25.000.000
...	...	...	...	...			...	...
24/12	HĐ 0035083	24/12	Nhập kho vật liệu APP chưa trả tiền			152	92.800.000	
						133	9.280.000	
						331		102.080.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPB NVL	31/12	Xuất kho NVL cho sản xuất sp, QLPX			621	4.433.555.537	
						627	24.638.163	
						152		4.458.193.700
			<b>Cộng số phát sinh</b>				<b>497.492.756.192</b>	<b>497.492.756.192</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ: *Nguyễn Phương Thảo*  
 Kế toán trưởng: *Nguyễn Văn Sùng*  
 Giám đốc: *Vũ Khắc Bút*

Hàng ngày, căn cứ vào các PNK NVL phát sinh trong kì và bảng phân bổ NVL cuối kì, kế toán vào sổ Cái NVL tháng 12 năm 2011 như sau :

**Đơn vị:** Công ty cơ phân hóa chất Bình Minh  
Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
**Tháng 12 năm 2011**  
Tên tài khoản: **Nguyên vật liệu**  
Số hiệu: **152**

*Đơn vị tính: đ*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<b>- Số dư đầu tháng</b>				<b>1.749.876.000</b>	
			- Số phát sinh					
03/12	PNK01/12	03/12	Nhập kho vật liệu EL chưa trả tiền			331	349.995.000	
...	...	...	....	...	...	....	...	...
07/12	PNK08/12...	07/12	Nhập kho HDPE chưa thanh toán			331	362.400.000	
...	...	...	....	...	...	....	...	...
24/12	PNK 30/12	24/12	Nhập kho vật liệu APP chưa thanh toán			331	92.800.000	
...	...	...	....	...	...	....	...	...
31/12	BPB NVL	31/12	Xuất kho NVL cho SXSP, QLPX			621		4.433.555.537
						627		24.638.163
			<b>- Cộng số phát sinh</b>				<b>3.876.589.000</b>	<b>4.458.193.700</b>
			<b>- Số dư cuối năm</b>				<b>1.168.271.300</b>	

**2.2.4.5. Kiểm kê đánh giá vật tư tồn kho :**

Tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh, công tác kiểm kê đánh giá vật tư tồn kho được tiến hành định kỳ một năm một lần. Cuối năm, công ty lập ban kiểm kê và tiến hành kiểm kê vật tư hàng hóa tồn kho. Công tác kiểm kê có sự góp mặt của thủ kho, các nhân viên phòng kế toán, phòng kế hoạch, và phòng kỹ thuật.

Biên bản kiểm kê của Công ty được lập như sau:

**Biểu 31:**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần hóa chất  
Bình Minh

**Địa chỉ:** 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số 05-VT**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của BTBTC

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ**

*Tháng 12/2011*

Thời gian kiểm kê: 8h ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các thành viên tham gia kiểm kê gồm:

1. Ông Đỗ Văn Hải Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch - Trưởng ban
  2. Ông Đỗ Cường Thành Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật - Ủy viên
  3. Ông Nguyễn Văn Sùng Chức vụ: Kế toán - Ủy viên
  4. Ông Nguyễn Văn Linh Chức vụ: Thủ kho vật tư, NVL - Ủy viên
- Đã tiến hành kiểm kê lượng vật tư tồn kho tại Kho nguyên liệu - công ty cổ phần hóa chất Bình Minh. Cụ thể được ghi ở bảng dưới đây:

STT	Tên vật tư	ĐVT	SL tồn kho theo sổ sách	SL tồn thực tế		Chênh lệch so với sổ sách	Đơn giá	Thành tiền
				CL tốt	CL kém			
1	Nhựa EL	Kg	5.090	5.090	0	0	23.300	118.597.000
2	Nhựa HDPE	Kg	2.780	2.780	0	0	30.100	83.678.000
3	Nhựa APP	Kg	4.630	4.630	0	0	23.200	107.416.000
4	...	...	...	...	...	...	...	...

**Ý kiến bản kiểm nghiệm:** Số lượng NVL của công ty đủ về mặt số lượng và không bị chênh lệch so với sổ sách. Ban kiểm kê nhất trí theo Biên bản kiểm kê trên, báo cáo trình cấp trên

**Đại diện kỹ thuật**

*Đỗ Cường Thành*

**Thủ kho**

*Nguyễn Văn Linh*

**Trưởng ban kiểm nghiệm**

*Đỗ Văn Hải*

**CHƯƠNG III****MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NVL  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT BÌNH MINH****3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán NVL tại công ty**

Để có được những thành tích như trên, công ty cổ phần hóa chất Bình Minh đã không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ, khai thác triệt để các vùng thị trường tiềm năng, đồng thời có các biện pháp thỏa đáng đối với các khách hàng quen thuộc nhằm tạo ra sự gắn bó hơn nữa, tạo nguồn cung cấp hàng hóa dồi dào và một thị trường tiêu thụ hàng hóa luôn ổn định.

Ngoài ra để có thể đạt được kết quả như trên phải có sự cố gắng nỗ lực không nhỏ của phòng tài chính kế toán, với cách bố trí công việc khoa học như hiện nay, công tác kế toán nói chung và công tác quản trị nói riêng đã đạt được các kết quả nhất định.

**3.1.1. Những ưu điểm và kết quả đạt được**

\*Về bộ máy kế toán

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty, bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung. Toàn bộ công tác kế toán được tập trung tại phòng tài chính kế toán. Việc vận dụng hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, đảm bảo chức năng cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho hoạt động quản lý cũng như sản xuất của doanh nghiệp.

Đội ngũ nhân viên của phòng kế toán đều là những người có năng lực, có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao. Mỗi nhân viên kế toán phụ trách một số phần hành công việc khác nhau, tạo điều kiện cho việc đi sâu tìm hiểu công việc được giao và nâng cao nghiệp vụ, phát huy hết khả năng của mình. Điều đó đảm bảo nguyên tắc hiệu quả tiết kiệm và hợp tác hoá trong lao động.

\*Về tài khoản kế toán sử dụng: Nhìn chung Công ty đã sử dụng đúng các tài khoản do chế độ kế toán hiện hành quy định. Hệ thống tài khoản của

công ty đã phản ánh đầy đủ mọi hoạt động kinh tế phát sinh. Việc sắp xếp, phân công các tài khoản trong hệ thống tài khoản của công ty là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.

\*Về công tác quản lí

- Công tác thu mua NVL.

Phòng SXKD và phòng vật tư vẫn luôn kết hợp chặt chẽ để đề ra kế hoạch thu mua hợp lý, không có tình trạng tồn đọng NVL hay thiếu hụt NVL phục vụ cho sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi hợp lý cho việc quản lý và luân chuyển chứng từ một cách thông suốt, hạn chế sai sót, tăng cường kiểm tra giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận.

Mặt khác. Công ty đã thiết lập được mối quan hệ lâu năm với những đơn vị cung ứng vật tư nên giá cả tương đối ổn định, từ đó tránh được tình trạng thiếu hụt, gián đoạn sản xuất. Đồng thời ban kiểm nghiệm của Công ty hoạt động rất hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, chủng loại vật liệu mua về. Kết hợp với hệ thống kho tàng của Công ty được trang bị khá đầy đủ về các phương tiện đo lường về mặt hiện vật, kích cỡ, quy cách NVL được sắp xếp khoa học, thuận tiện cho việc xuất nhập kho và kiểm tra. Công việc kế toán tại kho được thực hiện khá nghiêm túc và thường xuyên được kiểm tra đối chiếu với kế toán NVL tại phòng kế toán .

- Khâu sử dụng NVL

Phòng kỹ thuật phối hợp với phòng Kế hoạch vật tư để đề ra định mức sử dụng vật liệu căn cứ vào tình hình sản xuất thực tế và các yêu cầu về vật liệu của từng loại sản phẩm hàng hoá. từng đơn đặt hàng. Vì vậy đã tiết kiệm đáng kể chi phí NVL. hạ giá thành sản phẩm.

\*Về tổ chức kế toán chi tiết NVL.

+ Các thủ tục nhập - xuất kho được thực hiện tương đối chặt chẽ, các chứng từ được thiết lập đầy đủ, quy trình luân chuyển hợp lý, thuận lợi cho việc xuất kho và ghi chép kế toán.



+ Giá NVL nhập kho được xác định theo giá thực tế, giá xuất kho được tính theo đơn giá bình quân gia quyền cả kì dự trữ đã tuân thủ nguyên tắc và chế độ hiện hành chế toán hiện hành.

+ Hàng tồn kho của Công ty được bảo quản trong điều kiện hiện đại và khoa học, thuận tiện cho việc nhập xuất kho và kiểm tra.

+ Công ty đã sử dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết NVL, từ đó giúp cho việc ghi chép đơn giản, dễ hiểu, dễ phát hiện kiểm tra và phát hiện sai sót.

\*Về phương pháp hạch toán tổng hợp NVL:

Công ty đã sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp NVL. Phương pháp này phù hợp với tình hình biến động rất thường xuyên của vật tư, cung cấp những thông tin kịp thời chính xác về NVL. Hơn nữa phòng kế toán có sự hỗ trợ của máy tính trong công tác kế toán nên việc lựa chọn phương pháp KCTX là hoàn toàn hợp lý.

Bên cạnh những ưu điểm và kết quả đạt được, công tác kế toán nói chung và kế toán NVL nói riêng của Công ty còn nhiều tồn tại cần khắc phục để hoàn thiện hơn nữa bộ máy kế toán.

### **3.1.2. Những khó khăn, tồn tại.**

-Về phân loại NVL:

Khối lượng NVL sử dụng ở Công ty là rất lớn bao gồm nhiều loại, mỗi loại đều có những tính chất công dụng, quy cách khác nhau. Do đó việc phân loại NVL một cách khoa học là rất cần thiết. Tuy nhiên công việc này Công ty chưa đạt được hiệu quả như yêu cầu. Đó là công ty chưa lập sổ danh điểm vật liệu để sắp xếp các loại vật liệu, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lí cũng như công tác kế toán.

-Về tổ chức bộ máy kế toán:

Các nhân viên kế toán còn phải kiêm nhiệm nhiều phần hành kế toán, tuy có ưu điểm là thu gọn bộ máy kế toán, nhưng lại có nhược điểm là khó khăn trong việc thực hiện các chế độ chính sách kế toán và không đảm bảo

được tính chuyên môn hoá trong lao động, có thể làm giảm hiệu quả công việc

- Về việc áp dụng máy vi tính trong công tác kế toán.

Hiện nay, trình độ khoa học ngày càng phát triển, việc áp dụng công nghệ thông tin ngày càng nhiều song việc áp dụng công nghệ thông tin ở công ty vẫn còn hạn chế. Tại công ty hiện nay, máy tính chưa thực sự phát huy hết vai trò, nó chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ các nhân viên kế toán để quá trình vào sổ không phải vào sổ sách giấy tờ mà qua bàn phím. Thực chất công việc ở đây là hoàn toàn thủ công, chưa áp dụng được hình thức kế toán máy. Do đó khối lượng công việc nhiều, việc cung cấp báo cáo số liệu đôi lúc còn bị hạn chế.

- Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Hiện nay NVL nhựa dẻo Anpha-1 thường xuyên giảm giá trên thị trường, trong khi đó công ty phải luôn dự trữ nhựa dẻo Anpha-1 trong kho để phục vụ cho quá trình sản xuất. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho loại NVL này.

- Về việc sử dụng giá hạch toán:

Công ty tính trị giá vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ, nhưng lại không sử dụng giá hạch toán, do đó công ty chỉ biết được giá trị NVL xuất dùng của từng lần xuất vào cuối kì, khi kế toán tính ra được giá xuất kho, mà không thể phản ánh kịp thời giá trị của NVL xuất dùng ngay tại thời điểm xuất kho NVL.

### ***3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL tại Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh.***

#### ***3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán NVL***

Kế toán là bộ phận cấu thành của hệ thống quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời là công cụ đắc lực của Nhà nước trong việc chỉ đạo nền kinh tế quốc dân. Với chức năng giám sát mọi hoạt động kinh tế tài chính, kế toán căn cứ vào những thông tin hiện thực và

toàn diện có hệ thống về tình hình tài sản, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng đơn vị, từng ngành và nền kinh tế quốc dân .

Qua đó ta càng thấy rõ vai trò của kế toán, đặc biệt là kế toán NVL. NVL là yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất. Các nghiệp vụ kế toán NVL là giai đoạn đầu của quá trình kế toán của doanh nghiệp. Do đó vấn đề hoàn thiện công tác kế toán NVL ngày càng trở nên bức thiết.

Hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán NVL nói riêng sẽ đảm bảo cho việc cung cấp kịp thời, đồng bộ, chính xác khối lượng định mức dự trữ, tiêu hao NVL, ngăn ngừa các hiện trạng hư hỏng, mất, lãng phí NVL trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất. Qua đó góp phần giảm bớt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, và hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác kế toán vật liệu ở Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh, để không ngừng hoàn thiện và phát huy vai trò của công tác kế toán vật liệu, em xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến sau đây:

### ***3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL tại công ty.***

***Thứ nhất: Xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu hoàn chỉnh và thống nhất.***

Việc lập sổ danh điểm vật liệu thống nhất giữa kho và phòng kế toán là cần thiết đối với những công ty sử dụng nhiều loại vật liệu khác nhau như công ty cổ phần hóa chất Bình Minh.

Sổ danh điểm vật liệu đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý nguyên vật liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vi tính hoá kế toán vật liệu, góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán kế toán, cung cấp thông tin nhanh chóng kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Muốn lập được sổ danh điểm vật liệu thì thứ nhất, phải làm tốt công tác phân loại vật liệu. Vật liệu được phân loại dựa trên vai trò, công dụng trong

quá trình sản xuất kinh doanh: nguyên vật liệu chính. nhiên liệu. phụ tùng... Trong mỗi loại NVL, ta căn cứ vào tính chất. đặc điểm của từng loại vật liệu để đưa vào thành các nhóm. trong các nhóm lại phân ra các quy cách... Việc phân loại được thực hiện tốt sẽ lập dễ dàng lập được sổ danh điểm vật liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu.

Điều quan trọng thứ hai khi lập sổ danh điểm vật liệu là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp thuận tiện và hợp lí. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu
- Dựa vào nhóm nguyên vật liệu trong mỗi loại
- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu trong mỗi loại

Trước hết bộ mã nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở liệu các tài khoản cấp II. Đối với nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu chính: 1521
- Nguyên vật liệu phụ: 1522
- Nguyên vật liệu khác: 1528
- .....

Trong mỗi loại nguyên vật liệu phân thành các nhóm và lập mã số cho từng nhóm. Ở công ty nhóm nguyên vật liệu trong mỗi loại thường dưới 10 nhóm nên ta thường dùng chữ số để biểu thị.

*Nhóm nguyên vật liệu chính: (1521)*

Loại 1: hạt nhựa cứng (1521-01)

Loại 2: Hạt nhựa dẻo (1521-02)

....

*Nhóm nguyên vật liệu phụ: (1522)*

Loại 1: Hạt nhựa cứng (1522-01)

Loại 2: Hạt nhựa dẻo (1522-02)

....

Em kiến nghị công ty nên dùng mẫu sổ danh điểm NVL như sau:

**Biểu 32:**

<b>SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ</b>					
<b>Kí hiệu</b>		<b>Tên quy cách, chủng loại NVL</b>	<b>Đvt</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Nhóm</b>	<b>Danh điểm vật liệu</b>				
1	2	3	4	5	6
<b>NVL chính</b>					
<i>1521-01 (Hạt nhựa cứng)</i>					
	1521-01-1	Nhựa EL tổng hợp	Kg	....	
	1521-01-2	Nhựa EL-wax	Kg	...	
	1521-01-3	Nhựa EL-01	Kg	...	
	....	...			
<i>1521-02 (Hạt nhựa dẻo)</i>					
	1521-02-1	Nhựa dẻo PVC-01	Kg	...	
	1521-02-2	Nhựa dẻo PVC-02	Kg	...	...
	1521-02-1	Nhựa dẻo PVC-03	Kg	...	...
<b>NVL phụ</b>					
<i>1522-01 (Hạt nhựa cứng)</i>					
	1522-01-1	Nhựa anpha -1	Kg	...	...
	1522-01-2	Nhựa anpha-2	Kg	...	...
....	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...
<b>NVL khác</b>					
<i>1528-01 (chỉ khâu)</i>					
	1528-01-1	Chỉ khâu số 01	Kg	...	...
	1528-01-2	Chỉ khâu số 02	Kg	...	...
	1528-01-3	Chỉ khâu số 03	Kg	...	...
...	...	...	...	...	...

***Thứ hai: Về tổ chức bộ máy kế toán:***

Hiện nay các nhân viên kế toán của công ty phải kiêm nhiệm nhiều phần hành kế toán. Việc kiêm nhiệm này không đảm bảo được tính chuyên

môn hóa, có thể làm giảm hiệu quả công việc do khối lượng công việc rất lớn, trong khi công ty vẫn sử dụng hình thức kế toán thủ công.

Do đó trong thời gian tới, theo em công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy để đảm bảo tính chính xác và hiệu quả cao.

### ***Thứ ba: Về việc áp dụng kế toán máy***

Ngày nay khoa học công nghệ ngày càng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong nhiều lĩnh vực. Trong đó kế toán sử dụng máy vi tính sẽ giúp cán bộ kế toán cung cấp thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ đồng thời tiết kiệm cả về thời gian và tiền của. Việc áp dụng rộng rãi kế toán máy là rất tiện lợi và cần thiết trong việc điều hành bộ máy kế toán của Công ty .

Công ty hiện nay sử dụng vật liệu với chủng loại rất phức tạp, công việc hạch toán NVL hoàn toàn làm theo hình thức thủ công, khó tránh khỏi sai sót, và khó có thể đảm bảo chính xác. Vì vậy trong thời gian tới, công ty cần hoàn thiện trang bị hệ thống máy vi tính với phần mềm kế toán máy cho các kế toán, đảm bảo tính chính xác và hiệu quả cao, việc cập nhật thu thập các thông tin diễn ra thường xuyên, nhanh chóng đáp ứng kịp thời phục vụ đắc lực trong công tác Quản lý công ty.

Tuy nhiên. muốn sử dụng phần mềm kế toán máy thì:

Một là, công ty phải lập hệ thống danh điểm vật tư thống nhất, hợp lý giữa kho và phòng kế toán (cũng như ở các phòng liên quan) như đã trình bày ở trên.

Hai là , công ty phải mã hoá toàn bộ các đối tượng như: khách hàng. nhà cung cấp. NVL. CCDC. tài sản cố định...

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán tiện ích như Misa, EFECT. E - Asplus 3.0.. AC soft...giúp ích rất nhiều trong công việc kế toán mà hầu hết các doanh nghiệp đã và đang áp dụng.

Việc áp dụng phần mềm kế toán phải áp dụng cho tất cả các phần hành kế toán để tạo ra sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm

thiếu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép và các tính năng của phần mềm được phát huy hết tác dụng.

Ba là, công ty nên có kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng tin học cho cán bộ kế toán (còn kiến thức về phần mềm kế toán sẽ do công ty phần mềm hướng dẫn). Điều này sẽ giúp cho việc làm kế toán trên máy được dễ dàng hơn. Đồng thời Công ty cũng cần trang bị thêm máy vi tính và các thiết bị văn phòng khác.

***Thứ tư: Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:***

Để có thể khắc phục được hạn chế này, em xin đưa ra ý kiến là công ty nên sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”

Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá đồng thời cũng phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kì hạch toán.

Căn cứ vào tình hình giảm giá thực tế, kế toán tính toán và xác định mức trích lập dự phòng.

-Cuối kì kế toán năm( hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán( chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK159: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

-Cuối kì kế toán năm(hoặc quý) tiếp theo:

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kì kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kì kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm, ghi:



Nợ TK632: Giá vốn hàng bán( chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK159: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kì kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kì kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK159: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK632: Giá vốn hàng bán( chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

*Tình hình tồn kho NVL nhựa dẻo Anpha-1 trong tháng 12/2011 tại công ty cổ phần hóa chất Bình Minh như sau:*

*Đơn giá thực tế ghi sổ: 15.262 đ/kg*

*Số lượng tồn kho: 3.340 kg.*

*Đơn giá thực tế trên thị trường của loại vật liệu này tính đến ngày 31/12/2011 là 14.920 đ/kg.*

*Như vậy phần giá trị đã bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của NVL nhựa Anpha-1 là :  $(15.262 - 14.920) \times 3.340 = 1.142.280$  (đ)*

*Kế toán xác định mức trích lập dự phòng cho NVL nhựa dẻo Anpha-1 như sau:*

*Nợ TK 632: 1.142.280*

*Có TK 159: 1.142.280*

***Thứ năm: về việc sử dụng giá hạch toán hạch toán NVL:***

Công ty nên sử dụng giá hạch toán trong việc ghi chép theo dõi NVL để phản ánh kịp thời trị giá của NVL xuất dùng ngay tại thời điểm xuất kho NVL.



Giá hạch toán được xác định theo công thức sau:

$$\text{Hệ số giá(H)} = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế vật tư nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán vật tư nhập trong kỳ}}$$

Khi đó: Trị giá thực tế của NVL xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá vốn thực tế NVL xuất kho} = \text{Trị giá hạch toán NVL xuất kho} \times \text{Hệ số giá (H)}$$

Trên đây là những ý kiến em đưa ra từ thực tế hiện tại của Công ty.

**KẾT LUẬN**

Nền kinh tế thị trường hiện nay càng khẳng định rõ hơn vai trò của kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán giúp cho doanh nghiệp theo dõi thường xuyên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình: Quá trình sản xuất, theo dõi thị trường... Nhờ đó, người quản lý điều hành trôi chảy các hoạt động, quản lý hiệu quả, kiểm soát nội bộ tốt. Thêm vào đó là cung cấp tài liệu cho doanh nghiệp làm cơ sở hoạch định chương trình hành động cho từng giai đoạn từng thời kỳ nhờ đó người quản lý tính được hiệu quả công việc, vạch ra hướng hoạt động cho tương lai, qua đó giúp người quản lý điều hoà tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại **Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh**, nhờ sự hướng dẫn của **cô giáo, cử nhân Bùi Thị Chung**, Ban lãnh đạo công ty, các phòng ban nhất là các cô chú, anh chị nhân viên phòng tài chính kế toán công ty cùng với sự cố gắng của bản thân, em đã nghiên cứu các phần hành kế toán trong công ty. Qua đó, em hiểu rõ hơn công việc thực sự của một kế toán viên, vận dụng kiến thức được học vào thực tế, thấy được sự khác nhau giữa thực tế và lý thuyết.

Do trình độ hạn chế, kiến thức thực tế còn ít ỏi, thời gian thực tập tìm hiểu chưa sâu nên không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của cán bộ công nhân viên công ty, các thầy cô giáo để khóa luận tốt nghiệp của em được phong phú về lý luận và đi sát thực tế.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

Sinh viên thực hiện

*Nguyễn Thị Hué.*